

Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN

Khoa Công nghệ thông tin

BÀI TẬP LỚN: PHÂN TÍCH & THIẾT KẾ HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG

Giảng viên: Đặng Đức Hạnh



USE-CASE DESIGN

APP REVIEW TRAVEL BLOG

Ngày: 20/05/2024

**Chuẩn bị bởi: Nhóm sinh viên: Lương Trần Việt Đức, Vũ Thái Hưng,
Vũ Thế Hoàn, Nguyễn Việt Anh Khoa, Đoàn Mạnh Dương**

Mục lục

Lịch sử sửa đổi.....	3
1. Tổng quan.....	4
1.1 Giới thiệu.....	4
1.2 Đối tượng dự kiến và đề xuất cách đọc.....	4
1.3 Phạm vi dự án.....	5
1.4 Tài liệu tham khảo.....	5
2. Use-case Design.....	5
2.1 Đăng nhập & đăng ký.....	5
2.2 Tìm kiếm nội dung.....	8
2.3 Quản lý bài viết người dùng (Admin).....	15
2.4 Đăng bài review.....	21
2.5 Quản lý tài khoản người dùng (Admin).....	25
2.6 Lọc bài viết.....	30
2.7 Xem bài viết.....	38
2.8 Tương tác bài viết.....	41
2.9 Xem hồ sơ cá nhân.....	47
2.10 Chỉnh sửa hồ sơ cá nhân.....	50
2.11 Quản lý bài viết (người dùng).....	56

Lịch sử sửa đổi

Họ tên	Thời gian	Lý do sửa đổi	Phiên bản
Nhóm 2	20/5/2024	Khởi tạo mẫu tài liệu	1.0
Nhóm 2	20/5/2024	Bổ sung nội dung của use case	1.1
Nhóm 2	20/5/2024	Bổ sung nội dung use case	1.2
Nhóm 2	20/5/2024	Bổ sung nội dung use case	1.3

1. Tổng quan

1.1 Giới thiệu

Đây là một báo cáo về chủ đề Phân tích và thiết kế hướng đối tượng của nhóm 11 (về sau gọi tắt là nhóm tác giả) về lựa chọn chủ đề giải quyết vấn đề. Mục đích của Use-case design là tinh chỉnh việc thực hiện ca sử dụng về mặt tương tác, yêu cầu về hoạt động của các lớp thiết kế, hệ thống con và/hoặc giao diện của chúng trong hệ thống. Mỗi Thực hiện Ca sử dụng cần được tinh chỉnh để mô tả tương tác giữa các đối tượng thiết kế tham gia như sau: xác định từng đối tượng tham gia vào luồng sự kiện của Ca sử dụng, biểu diễn từng đối tượng tham gia trong sơ đồ tương tác (Các hệ thống con có thể được biểu diễn bằng các thể hiện của giao diện của hệ thống con (s)), minh họa việc gửi thông báo giữa các đối tượng bằng cách tạo thông báo giữa các đối tượng, mô tả hành động của đối tượng khi nhận được thông báo. Đối với mỗi Thực hiện trường hợp sử dụng, hãy minh họa các mối quan hệ lớp hỗ trợ sự cộng tác được mô hình hóa trong sơ đồ tương tác bằng cách tạo một hoặc nhiều sơ đồ lớp. Các thành phần tạo tác kết quả này thường bao gồm các Thực hiện trường hợp sử dụng, được mô tả bằng sơ đồ lớp, sơ đồ tương tác và luồng sự kiện được tinh chỉnh.

1.2 Đối tượng dự kiến và đề xuất cách đọc

Các đối tượng đọc khác nhau dành cho tài liệu này là:

- **Quản trị dự án:** Người phụ trách quản lý và chịu trách nhiệm về chất lượng hệ thống. Quản trị dự án nên đọc toàn bộ tài liệu để phục vụ việc lên kế hoạch và phân công công việc.
- **Nhà phát triển:** Người thực hiện nhiệm vụ phát triển hệ thống từ đầu vào là bản thiết kế và tài liệu để tạo thành đầu ra là một phiên bản có thể chạy được.
- **Người kiểm thử:** Người kiểm thử đọc tài liệu này để viết các ca kiểm thử.
- **Người viết tài liệu:** Người sẽ viết tài liệu trong tương lai (các báo cáo, biên bản).

Nội dung báo cáo bao gồm:

Use case Design: là khi việc triển khai Ca sử dụng được xác minh về tính nhất quán. Điều này có nghĩa là đối với tất cả các thực hiện trường hợp sử dụng cho mỗi trường hợp sử dụng, các mục sau đây được xác minh: tất cả các hành vi cần thiết để hỗ trợ triển khai trường hợp sử dụng đã được phân phối giữa các lớp tham gia thích hợp, trường hợp sử dụng chảy tự nhiên qua thiết kế tham gia các phần tử, tất cả các liên kết giữa các phần tử thiết kế (các lớp hoặc hệ thống con) cần thiết cho việc thực hiện ca sử dụng đã được xác định và tất cả các thuộc tính cần thiết cho các trường hợp sử dụng đã được xác định.

1.3 Phạm vi dự án

Tài liệu đây là để bổ sung cho các ứng dụng Travel Blog Review. Tài liệu này cung cấp các yếu tố giúp người dùng đánh giá, tính khả dụng, hiệu năng, khả năng hỗ trợ của các ứng dụng như yếu tố chức năng, tính khả dụng, hiệu năng, khả năng hỗ trợ của các ứng dụng này. Điều này nhằm giúp người dùng lựa chọn một số trường hợp phù hợp với nhu cầu của họ.

1.4 Tài liệu tham khảo

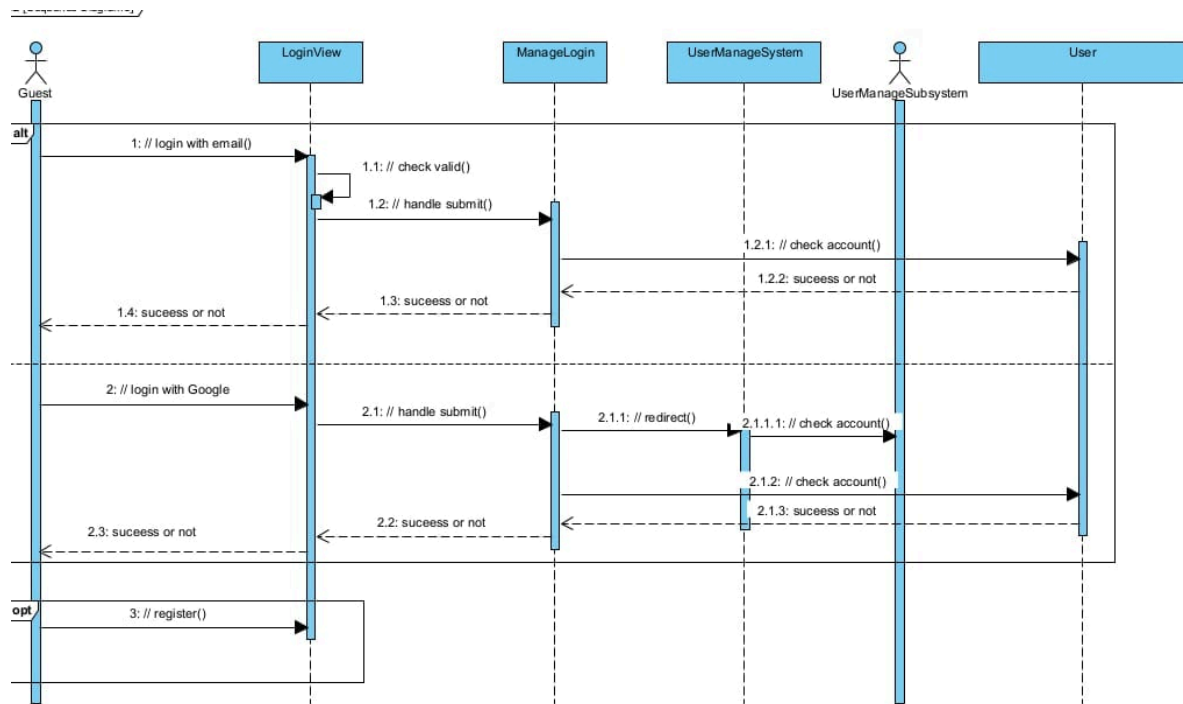
- [1] IEEE Software Engineering Standards Committee, “IEEE Std 830-1998, IEEE Recommended Practice for Software Requirements Specifications”, October 20, 1998.
- [2] Slide môn học Phân tích và thiết kế hướng đối tượng do giảng viên cung cấp.

2. Use-case Design

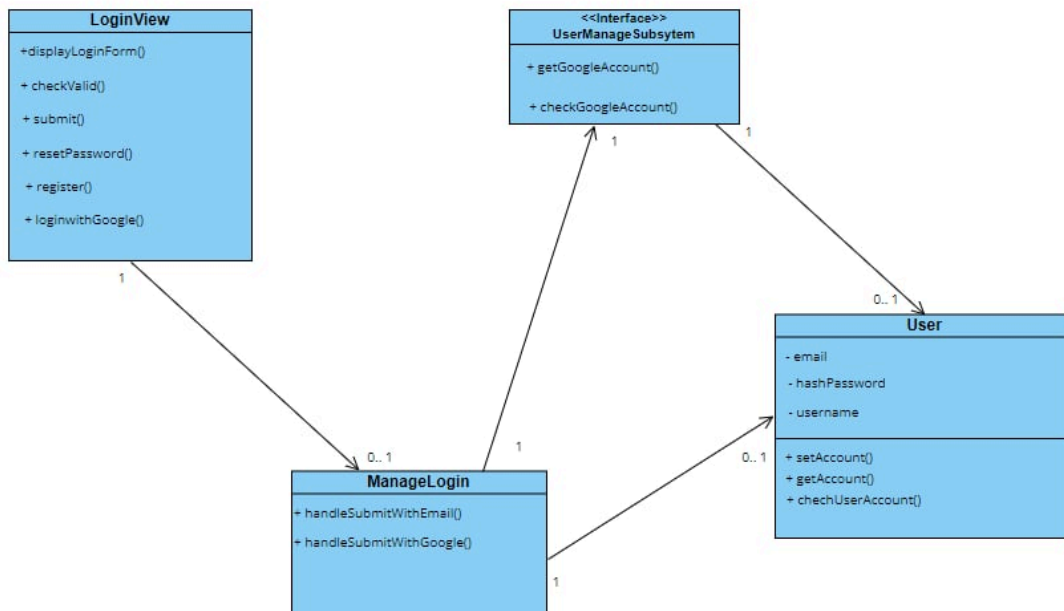
2.1 Đăng nhập & đăng ký

Tích hợp hệ thống con

a. Sequence Diagram

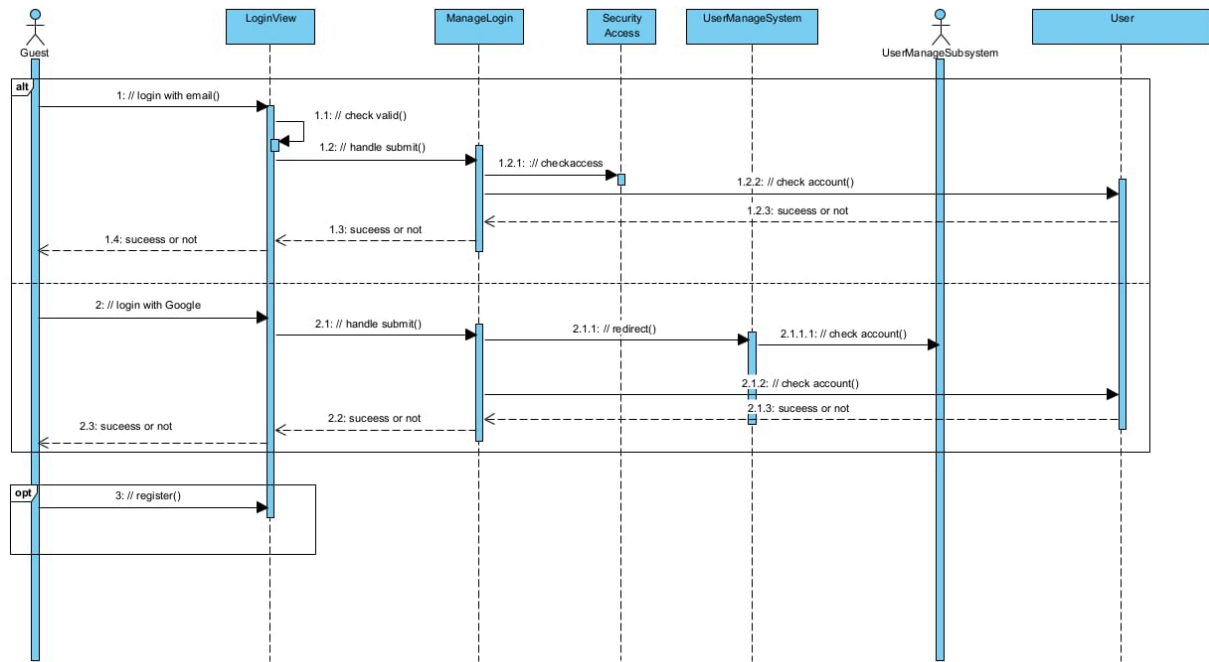


b. VOPC

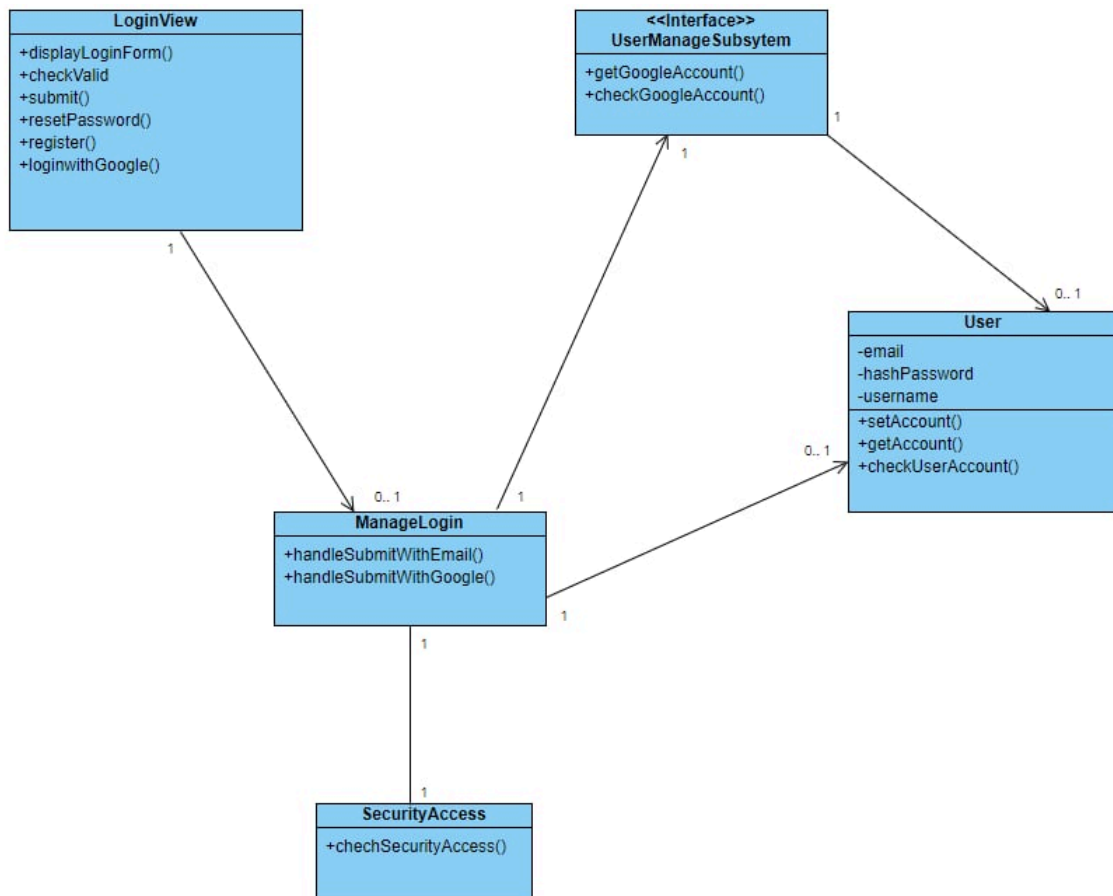


Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram



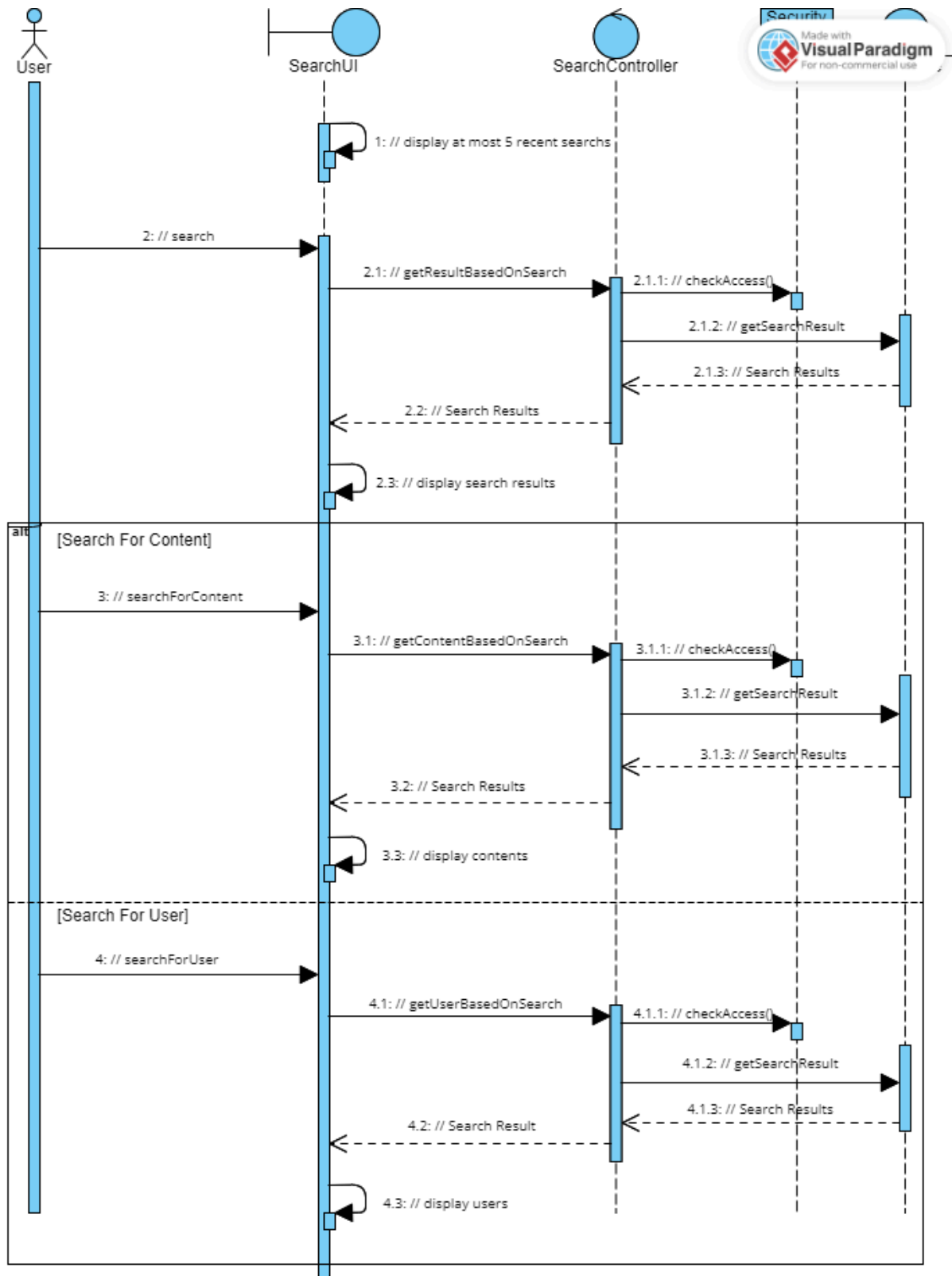
b. VOPC



2.2 Tìm kiếm nội dung

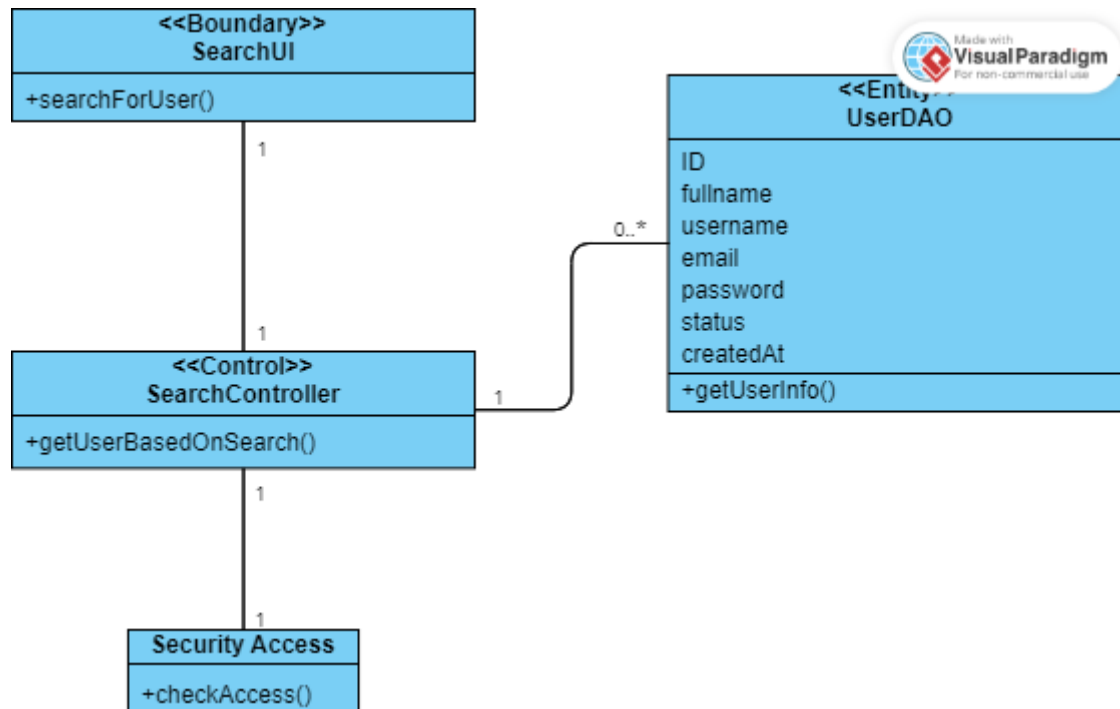
Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

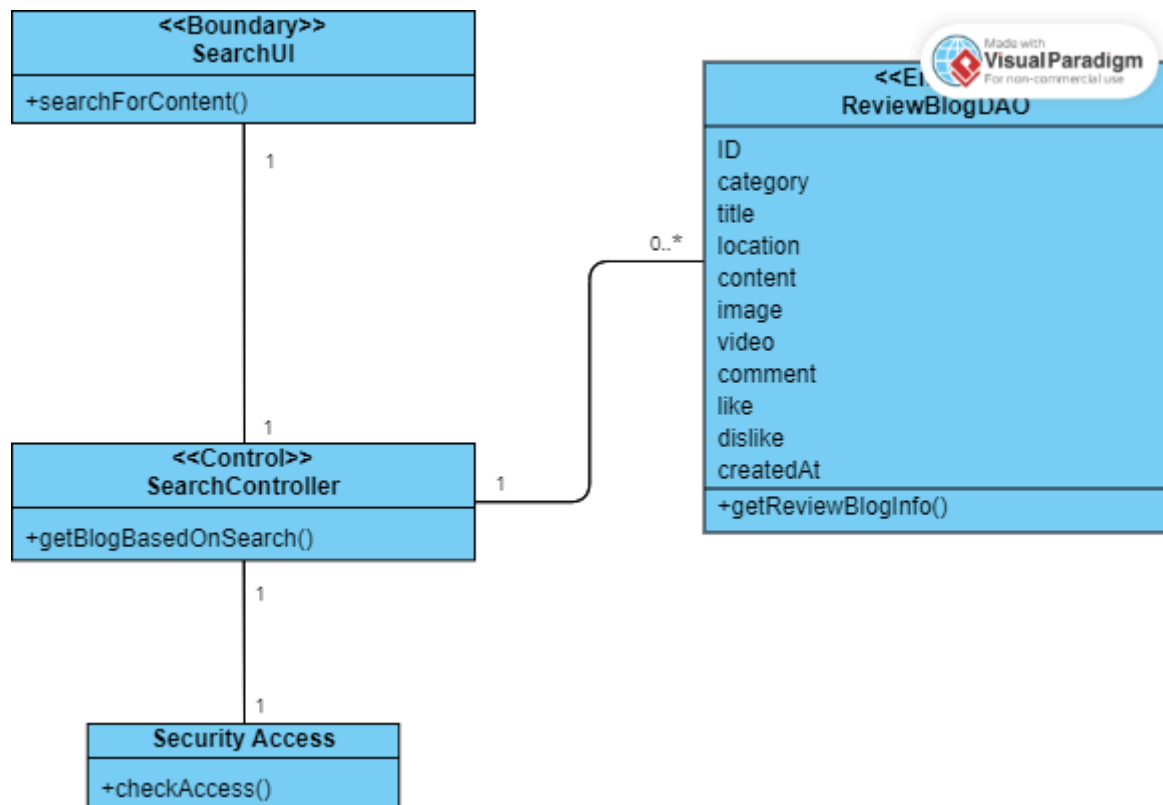


b. VOPC

User search

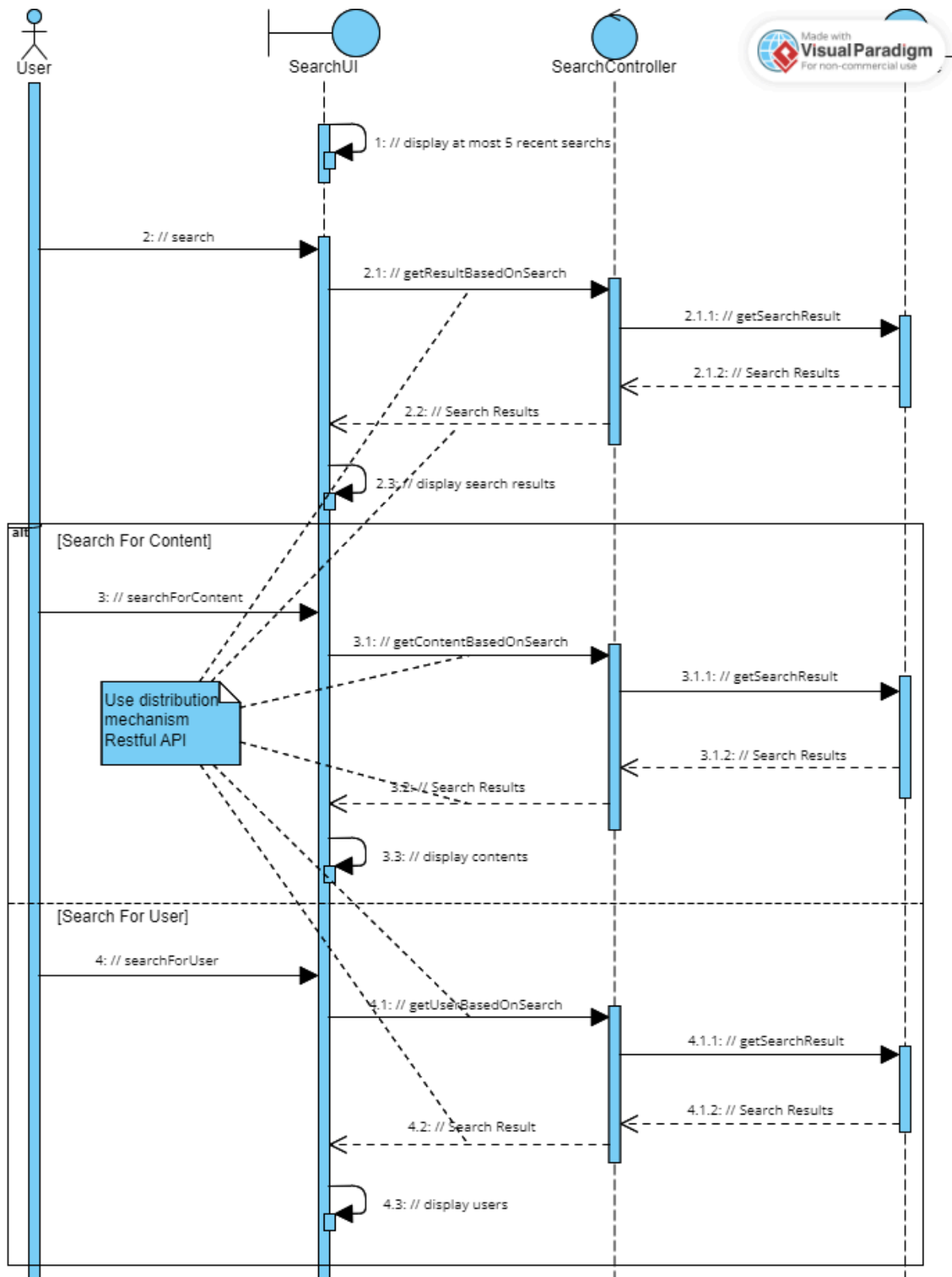


Post Search



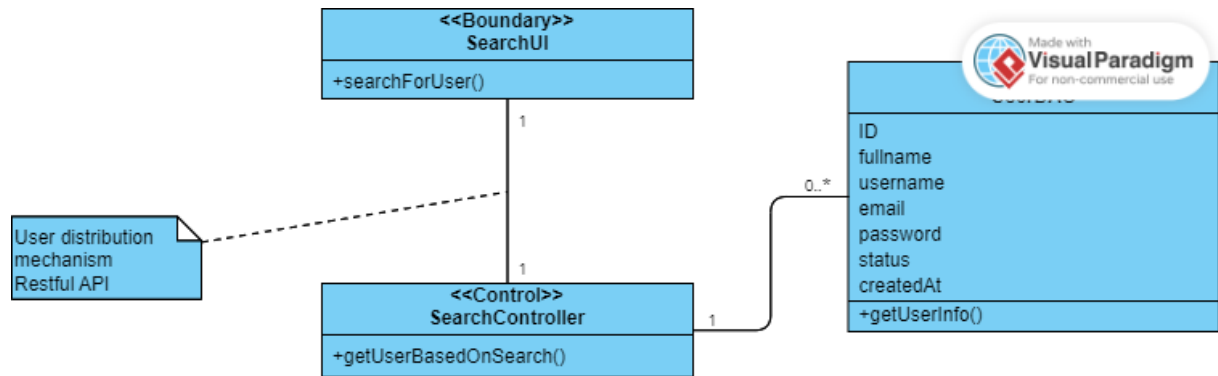
Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

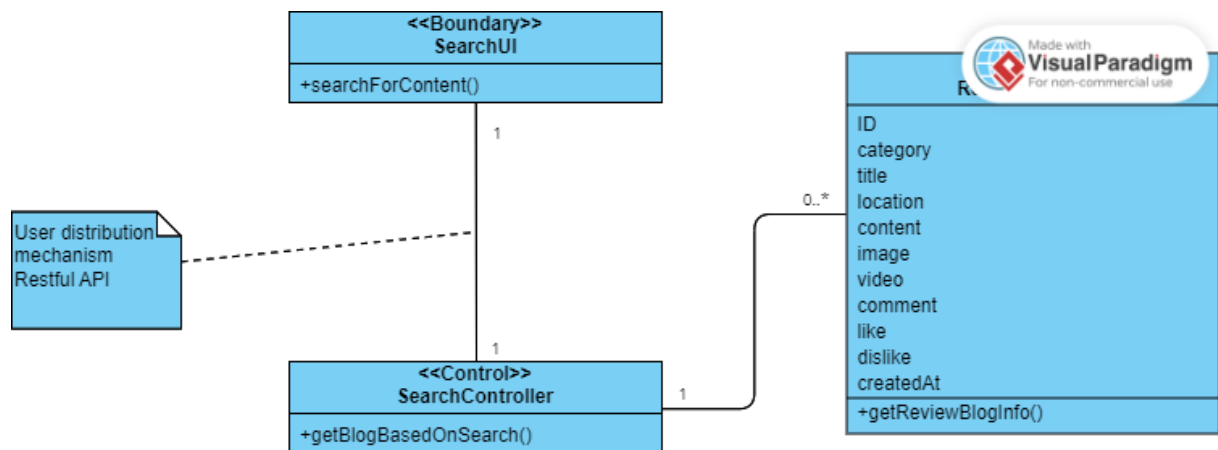


b. VOPC

User search

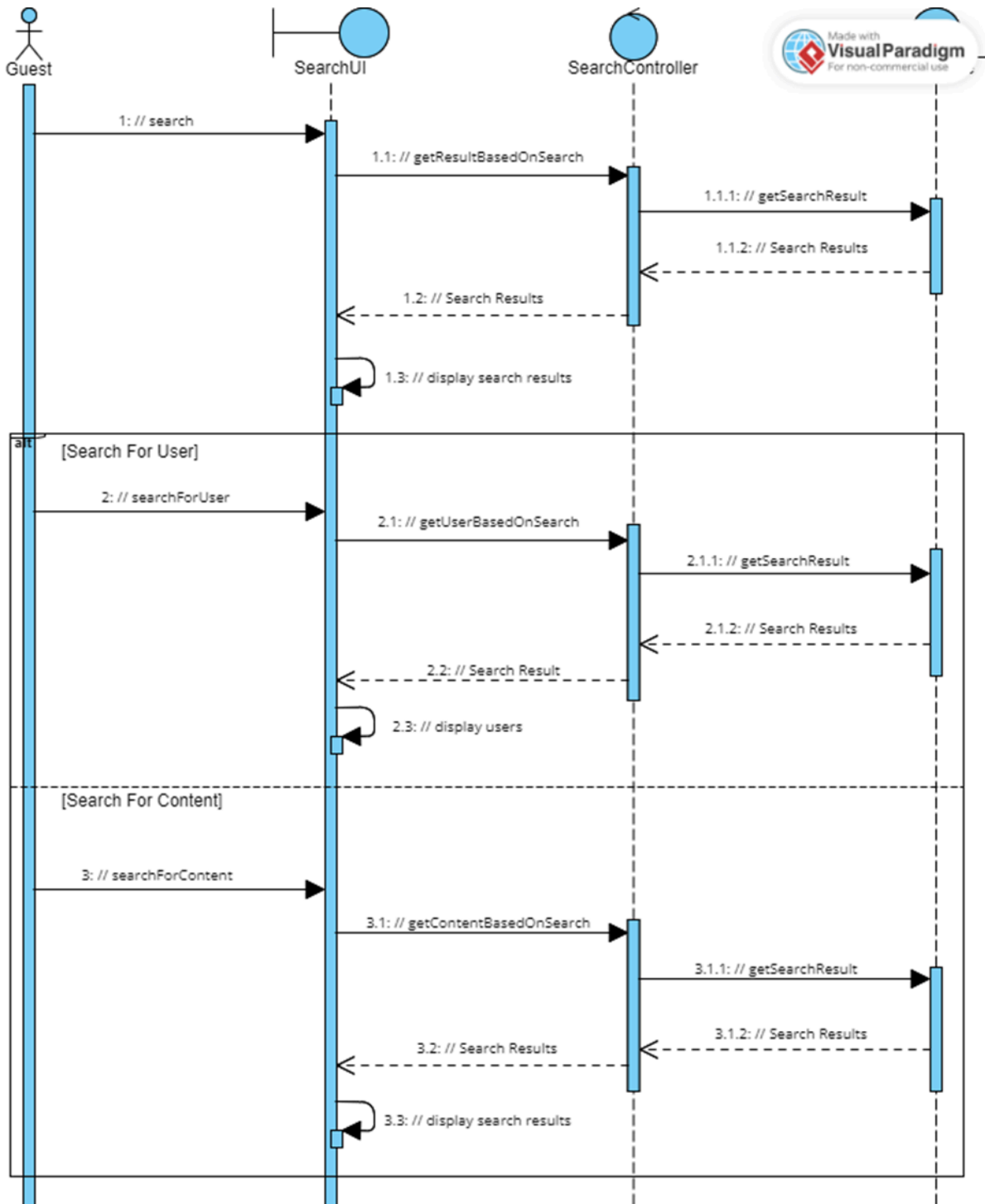


Post search



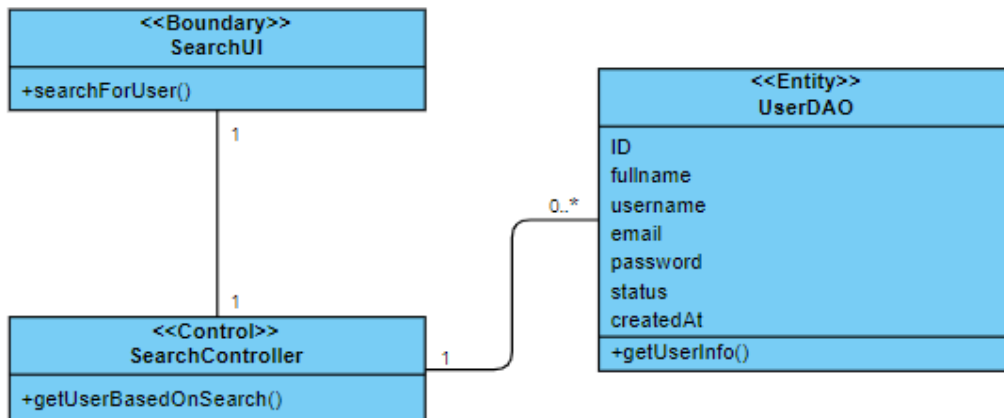
Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram

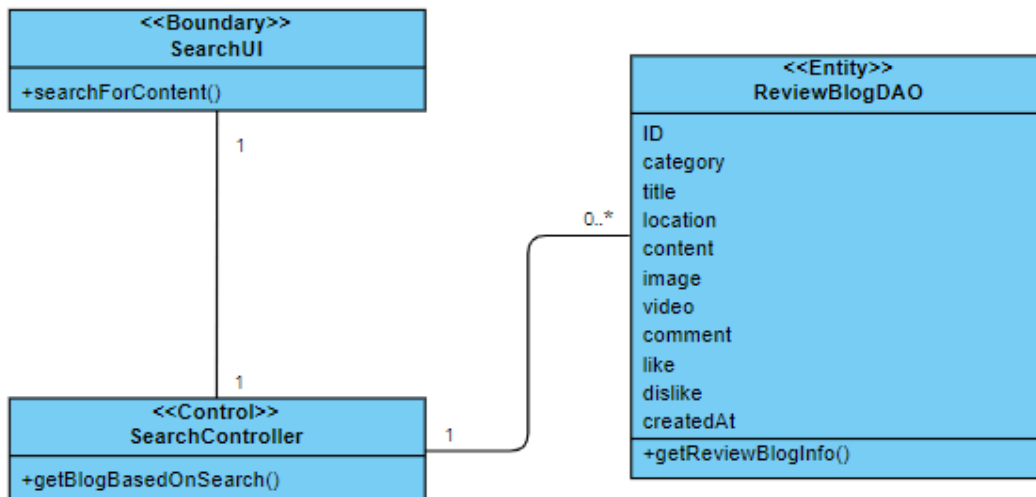


b. VOPC

Tìm kiếm người dùng



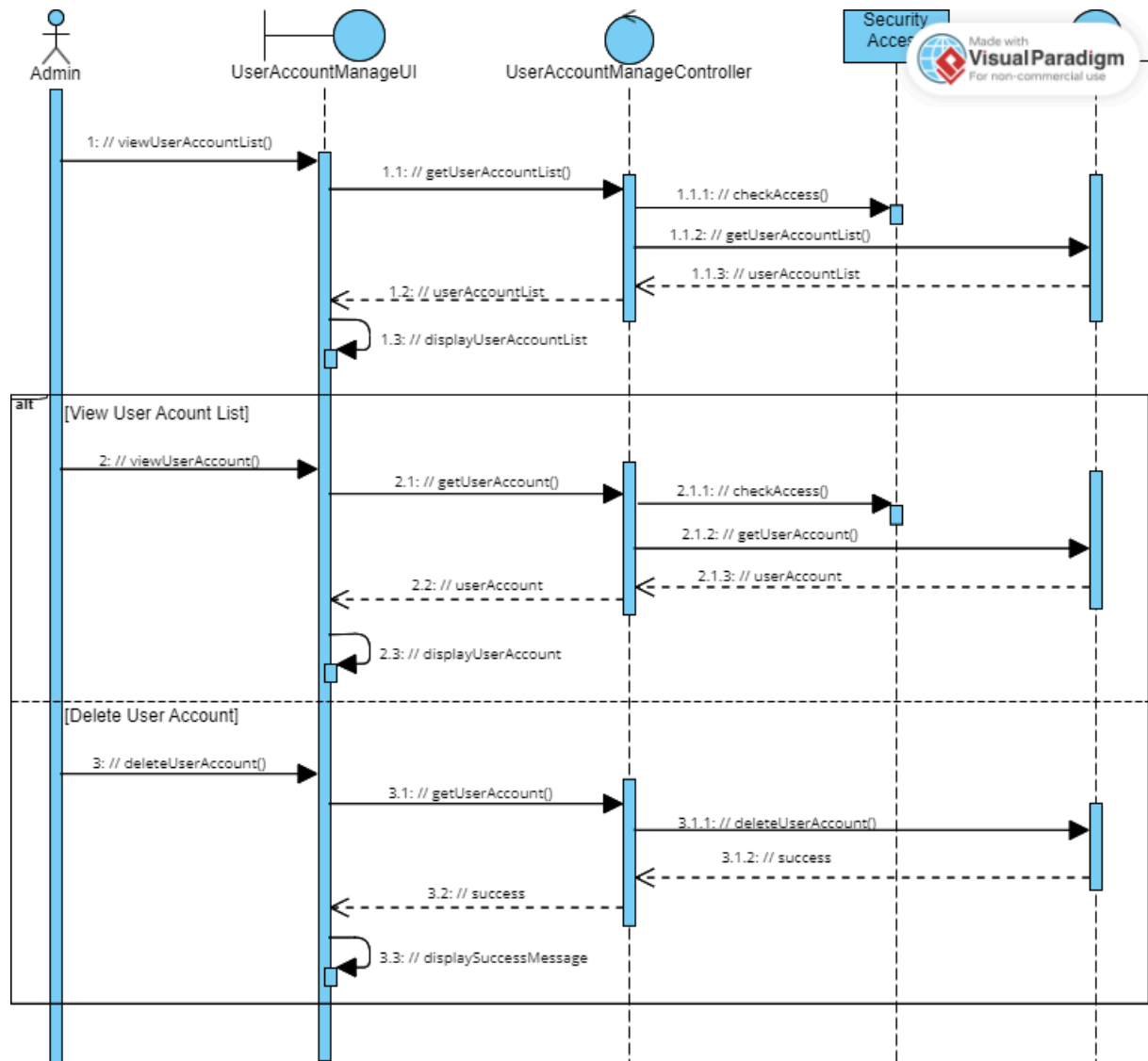
Tìm kiếm nội dung



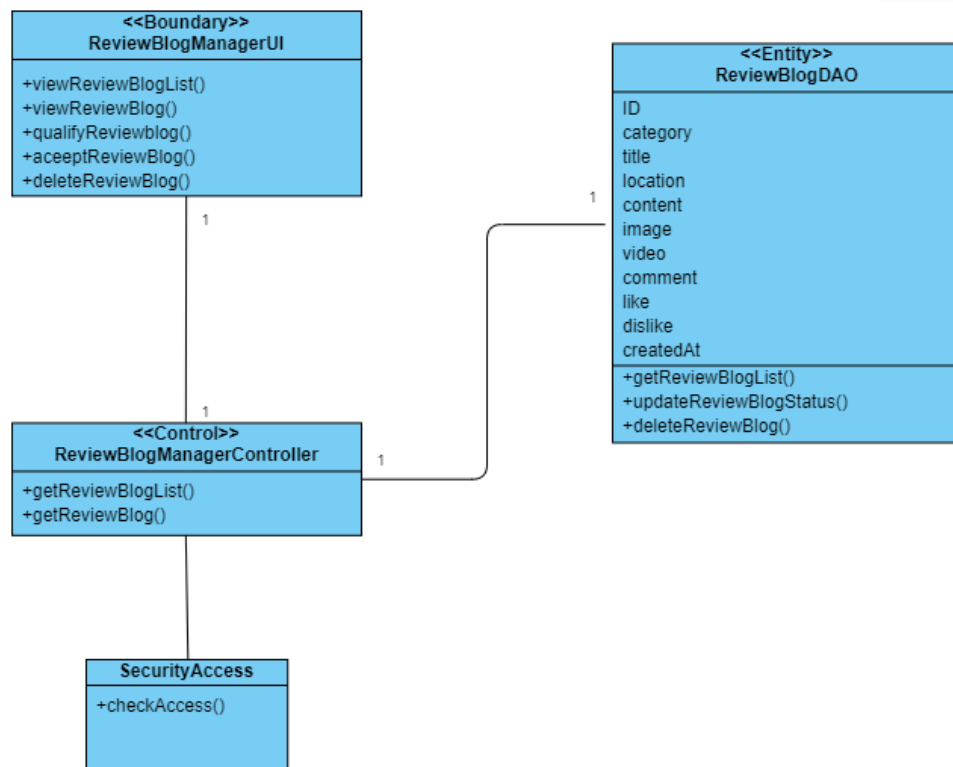
2.3 Quản lý bài viết người dùng (Admin)

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

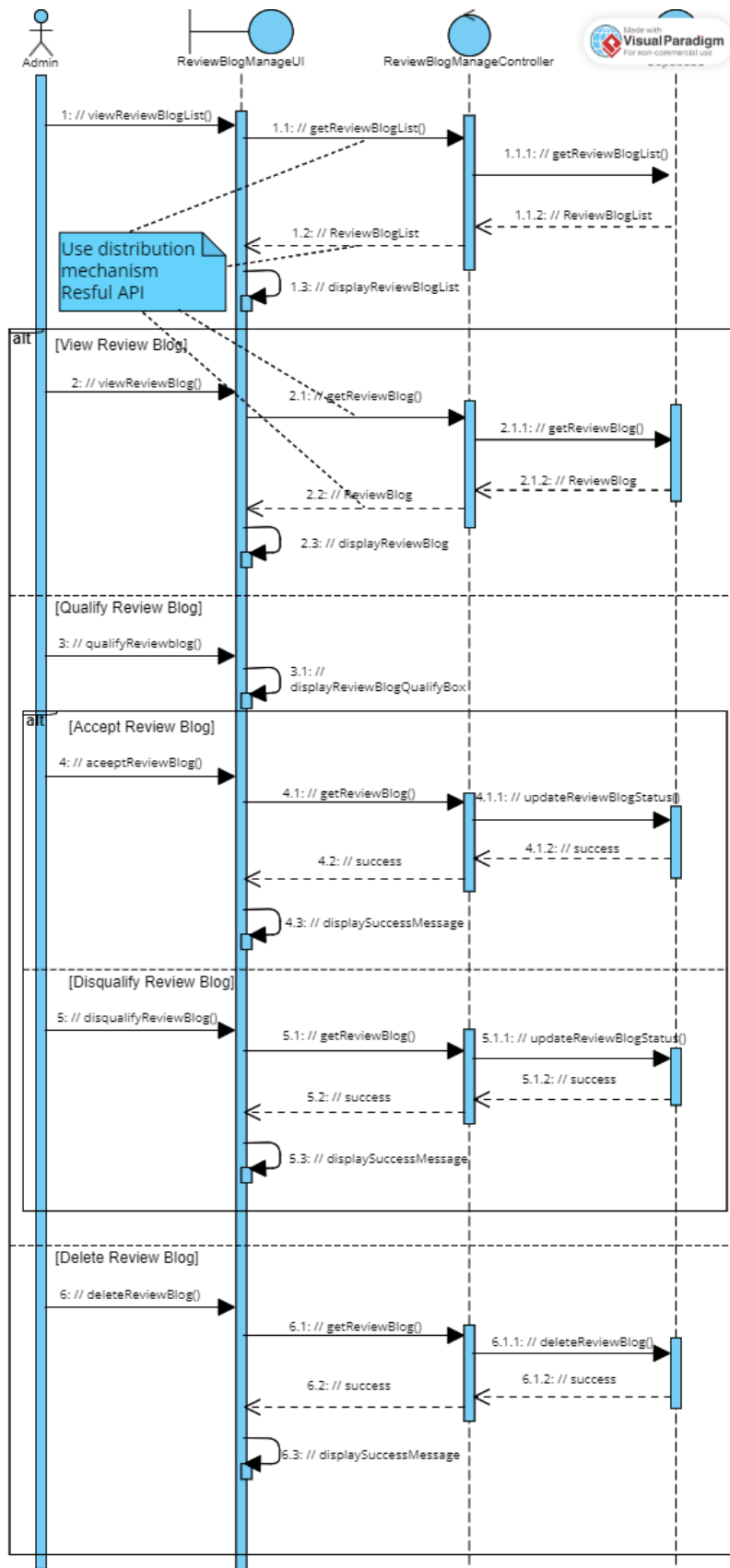


b. VOPC

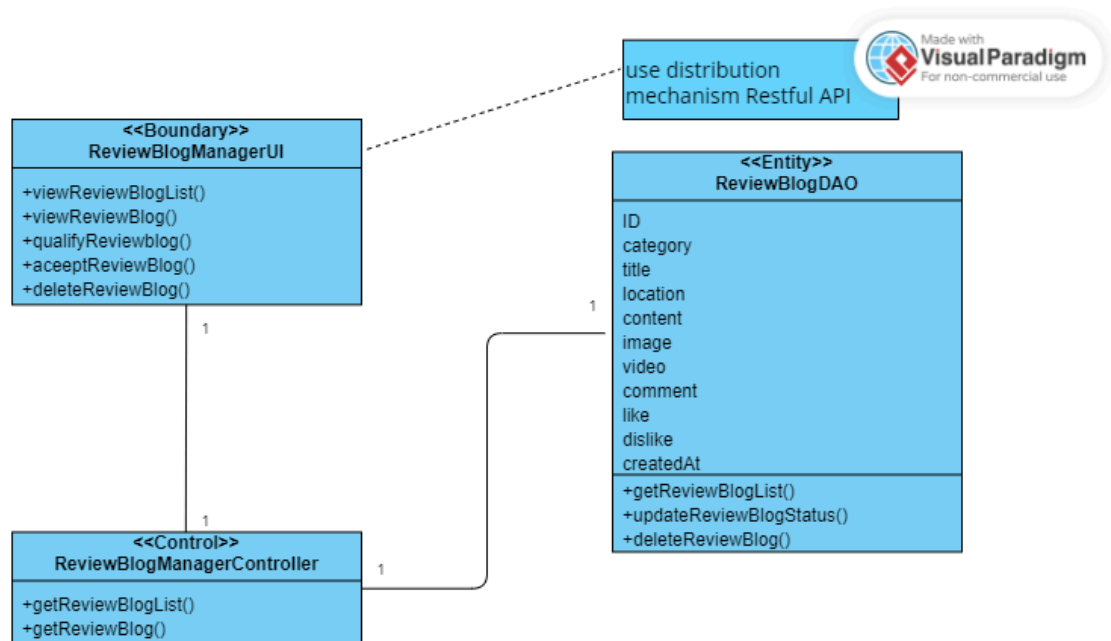


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

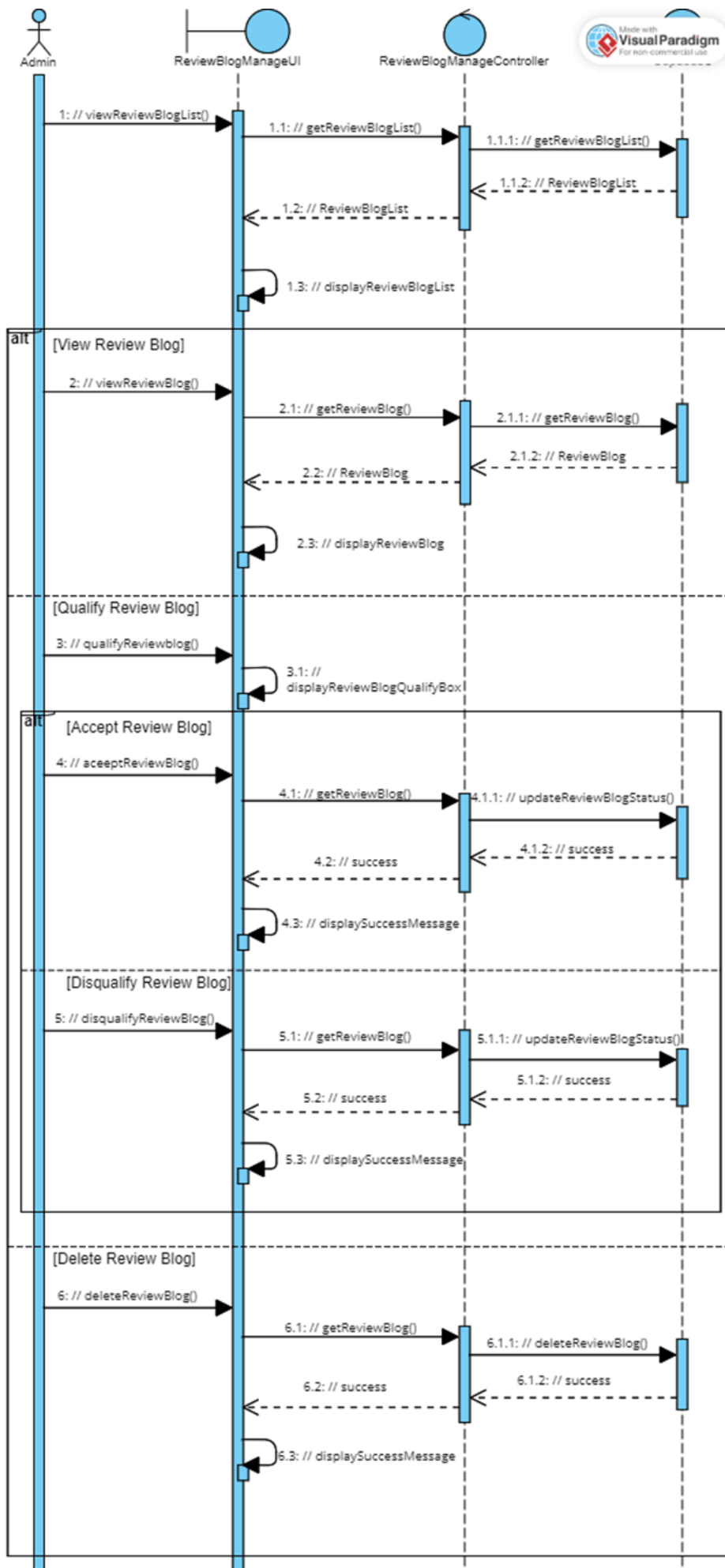


b. VOPC

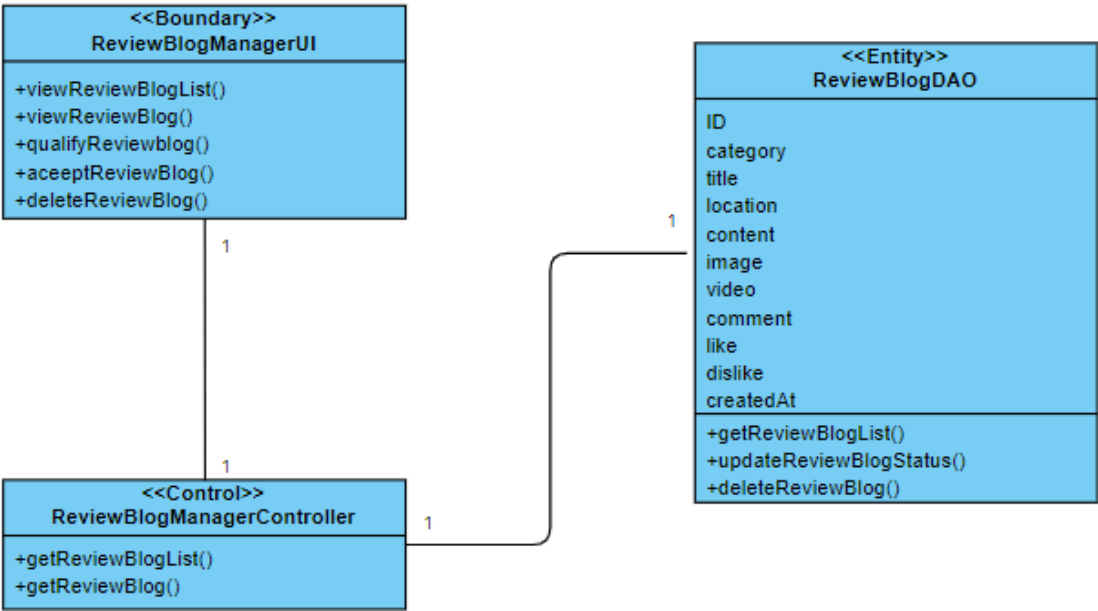


Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



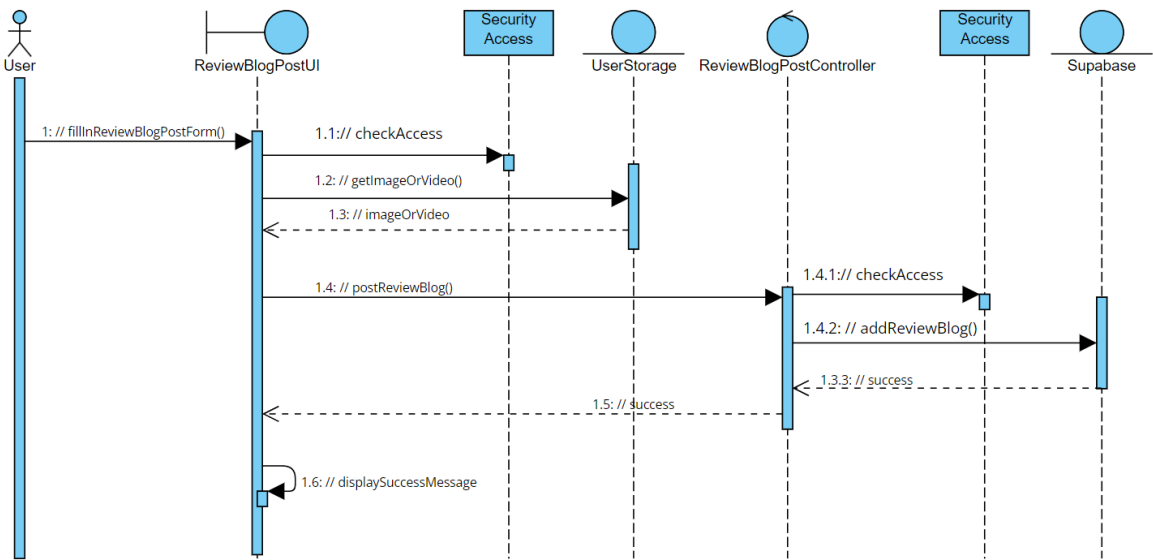
b. VOPC



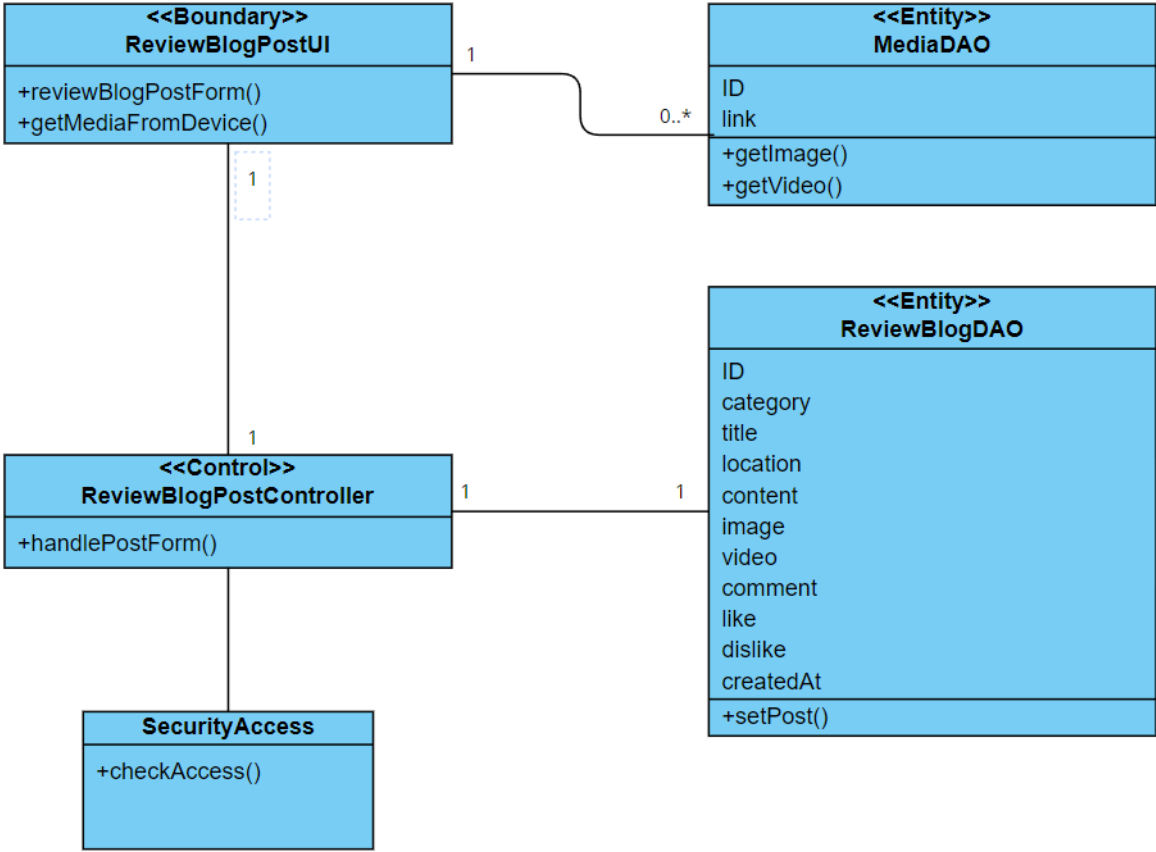
2.4 Đăng bài review

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

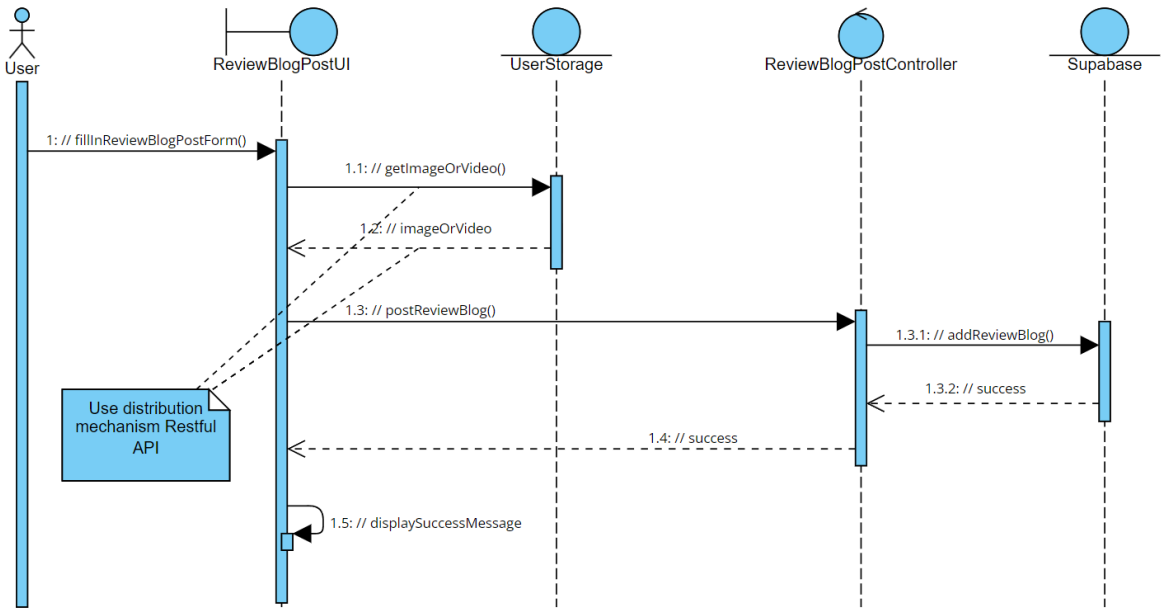


b. VOPC

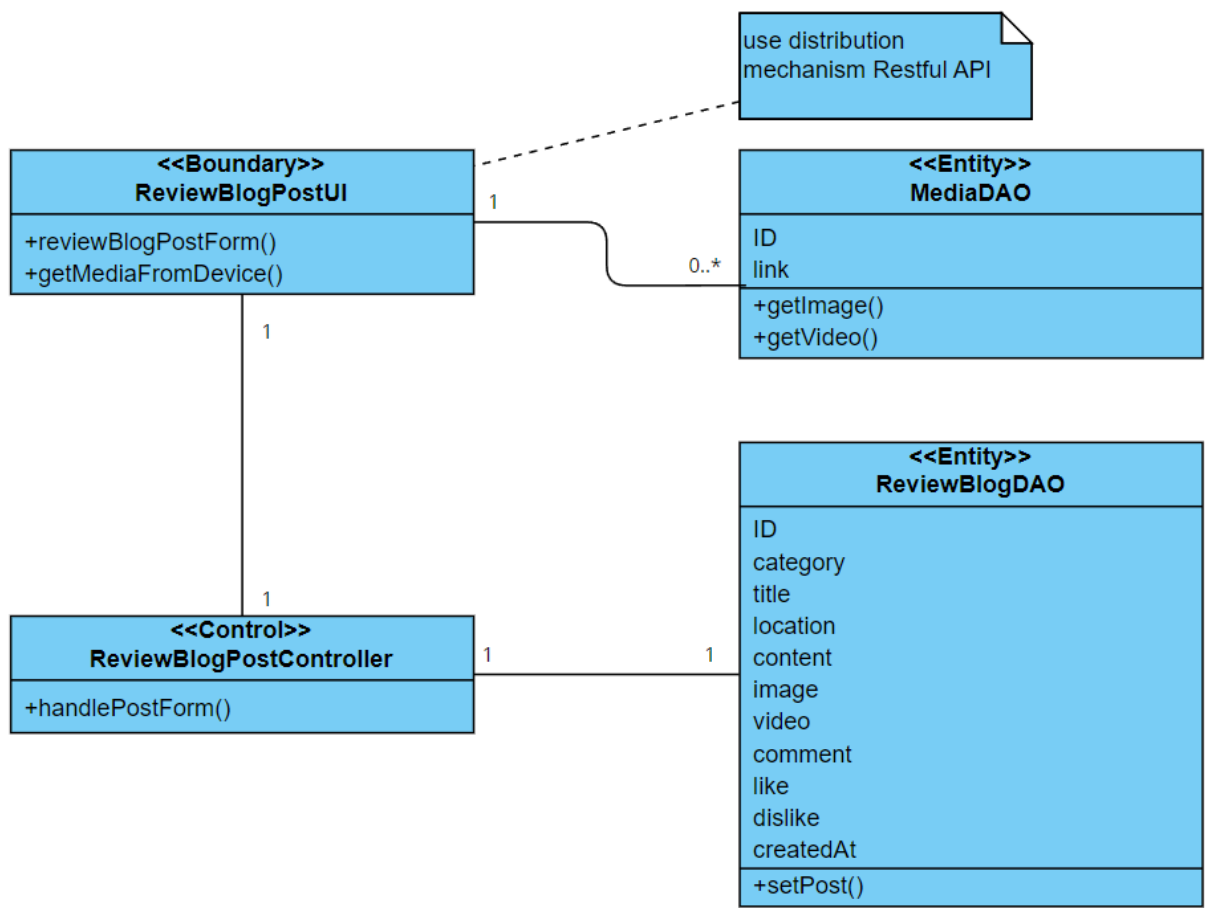


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

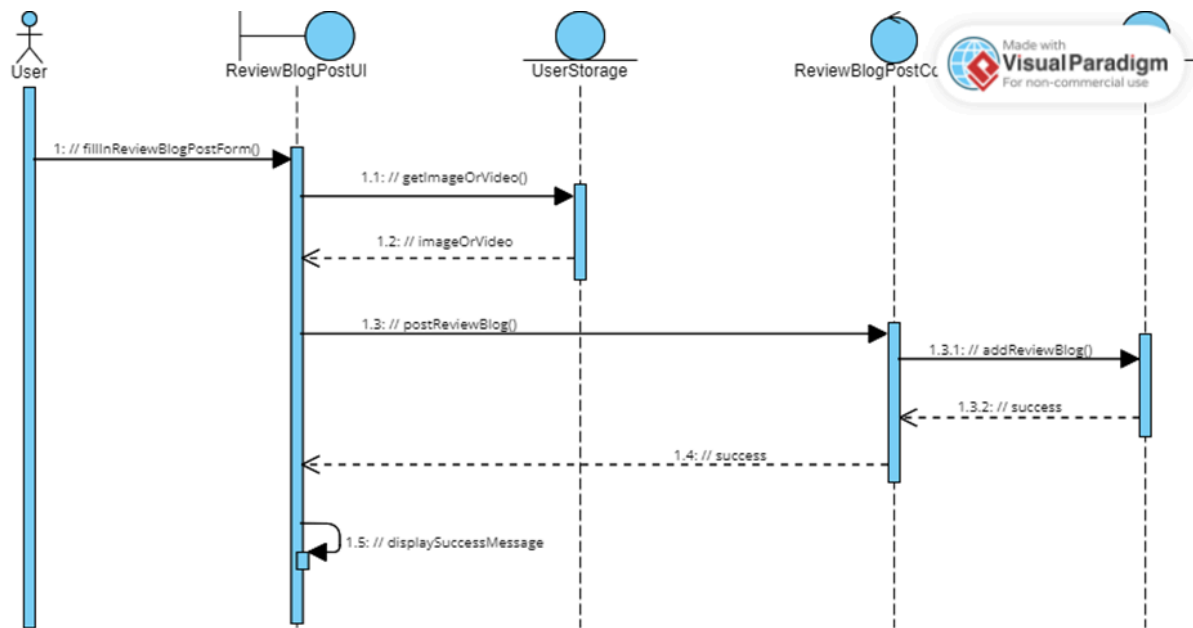


b. VOPC

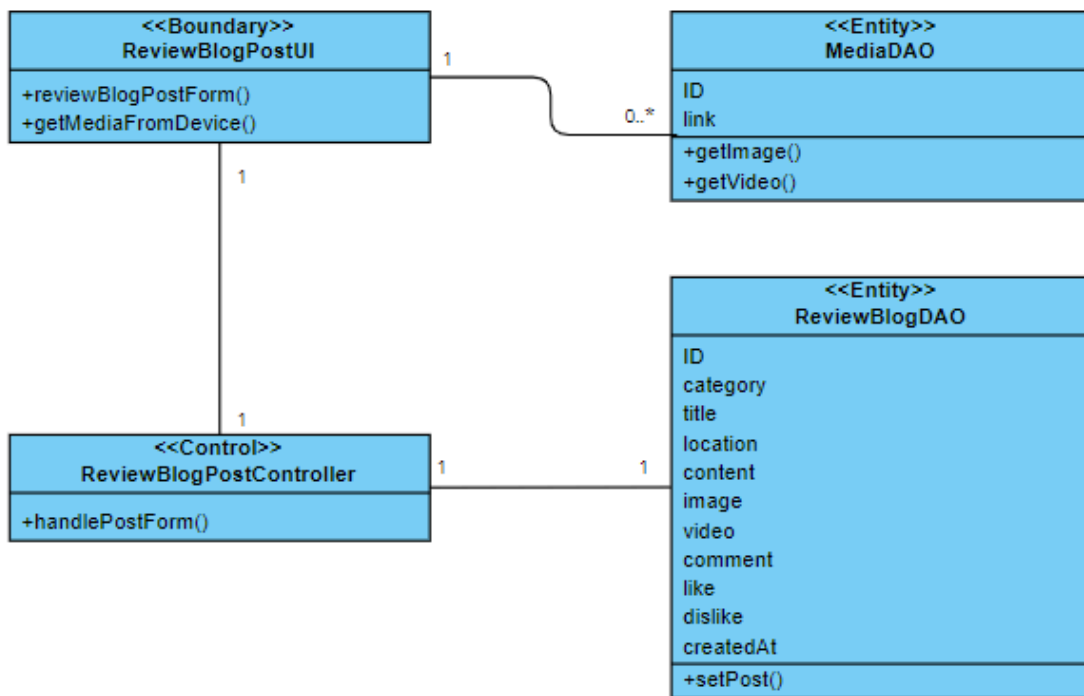


Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



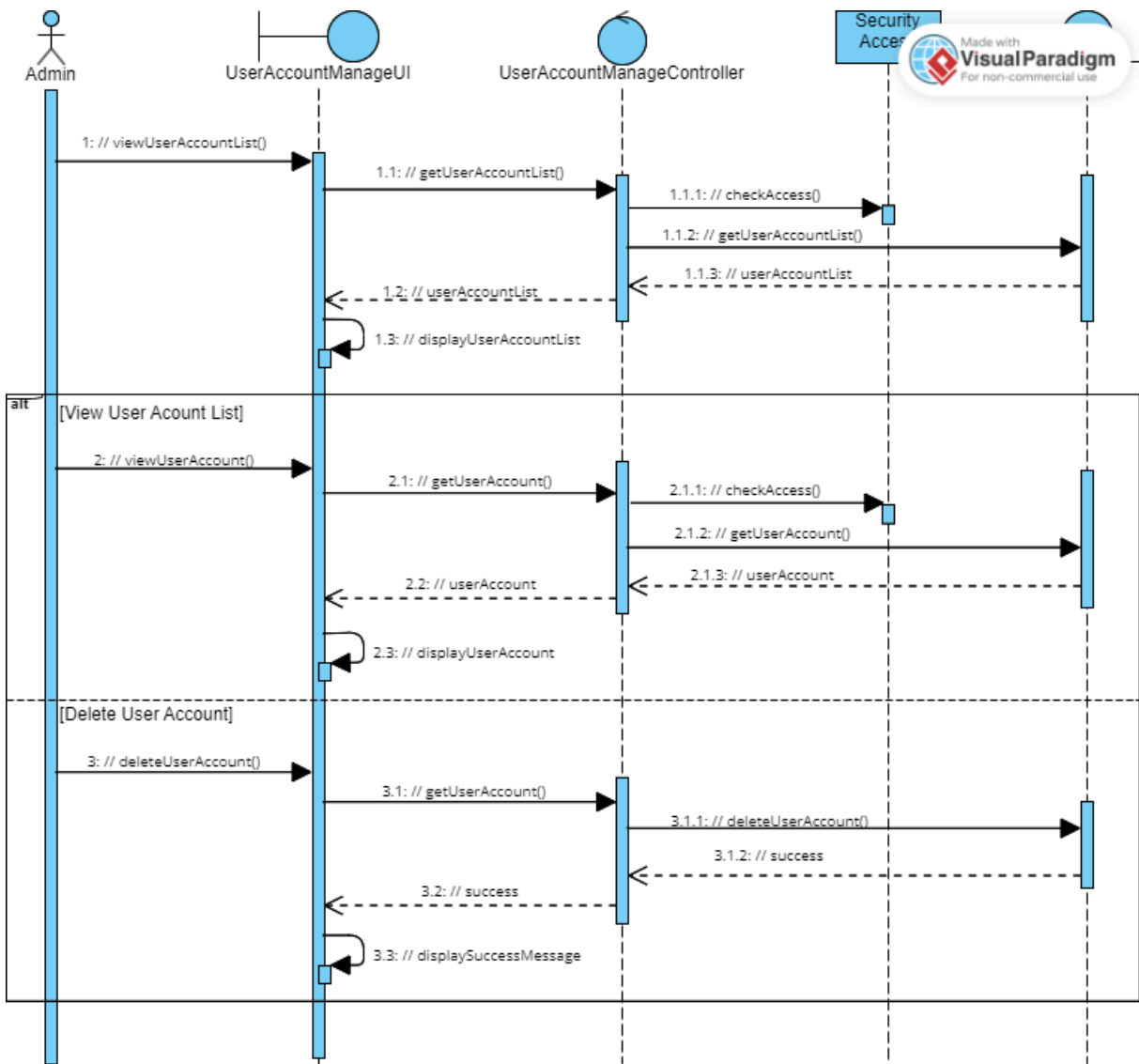
b. VOPC



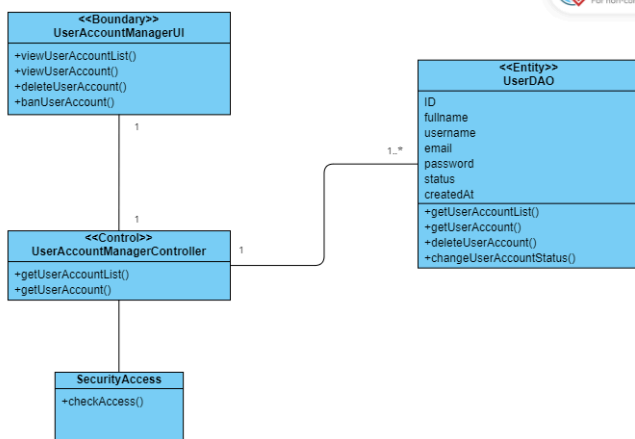
2.5 Quản lý tài khoản người dùng (Admin)

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

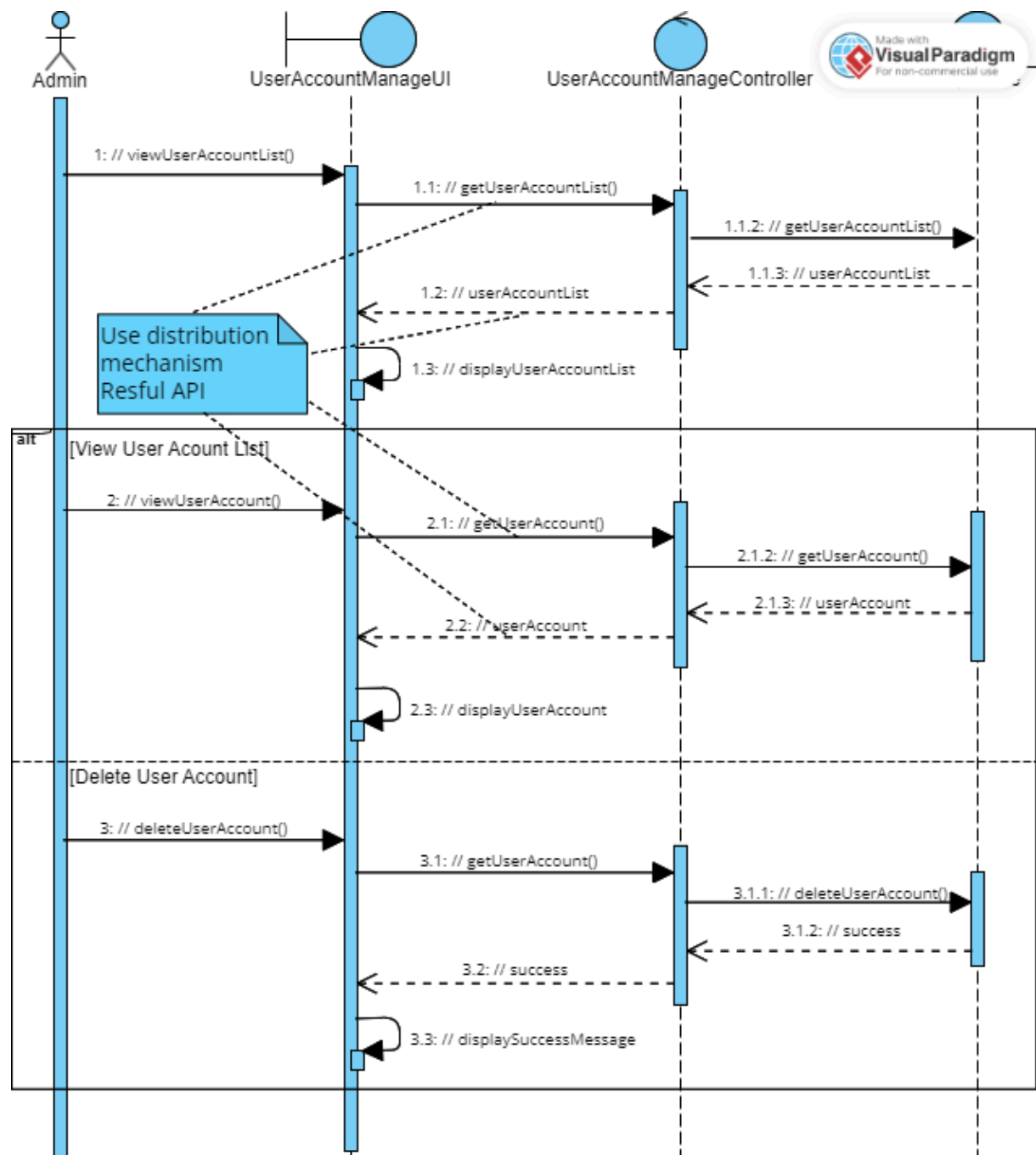


b. VOPC

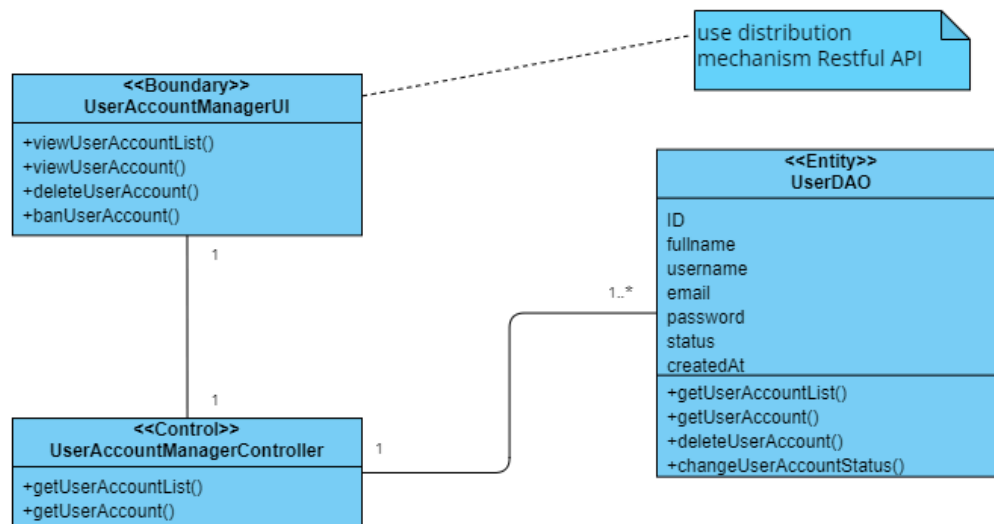


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

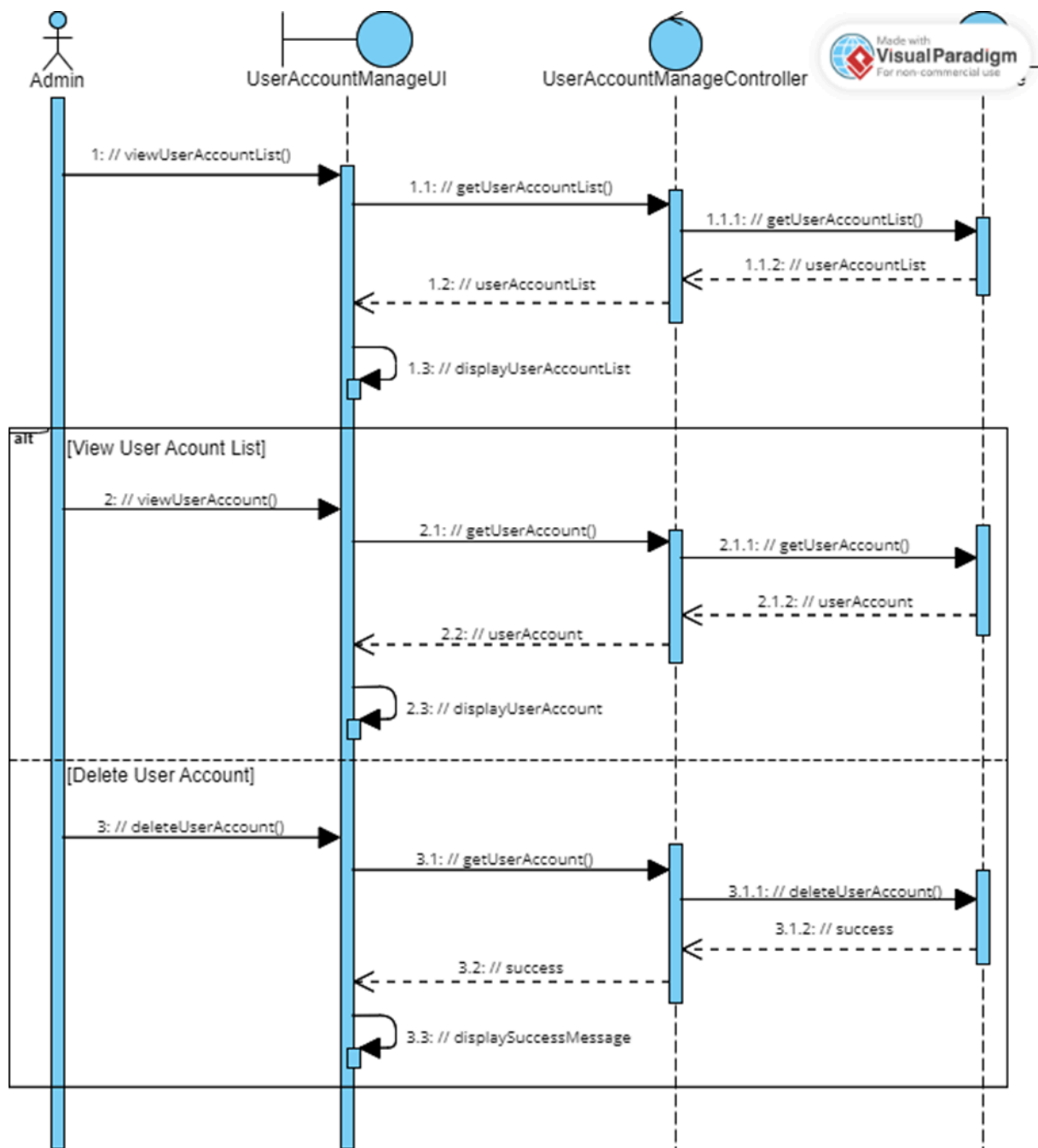


b. VOPC

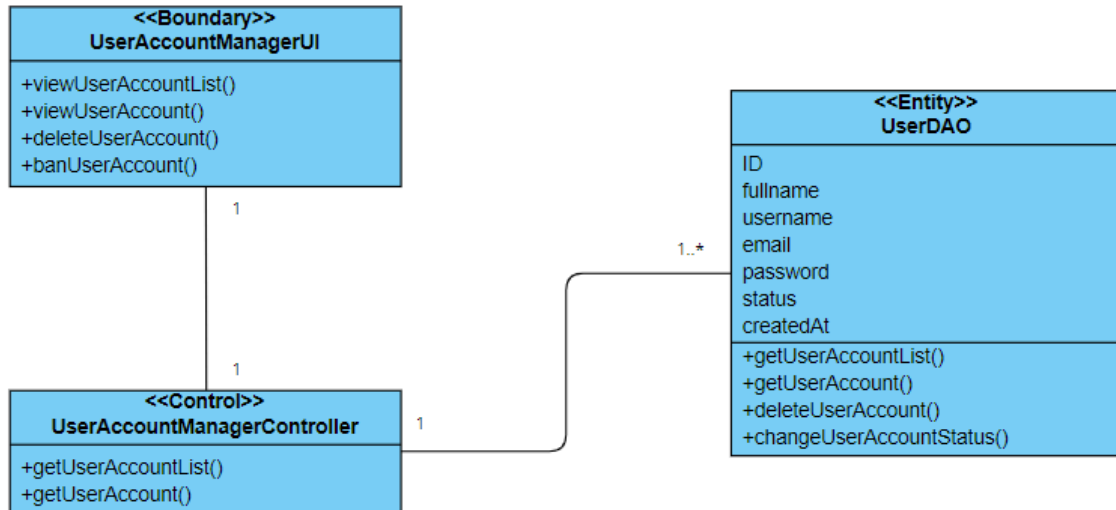


Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



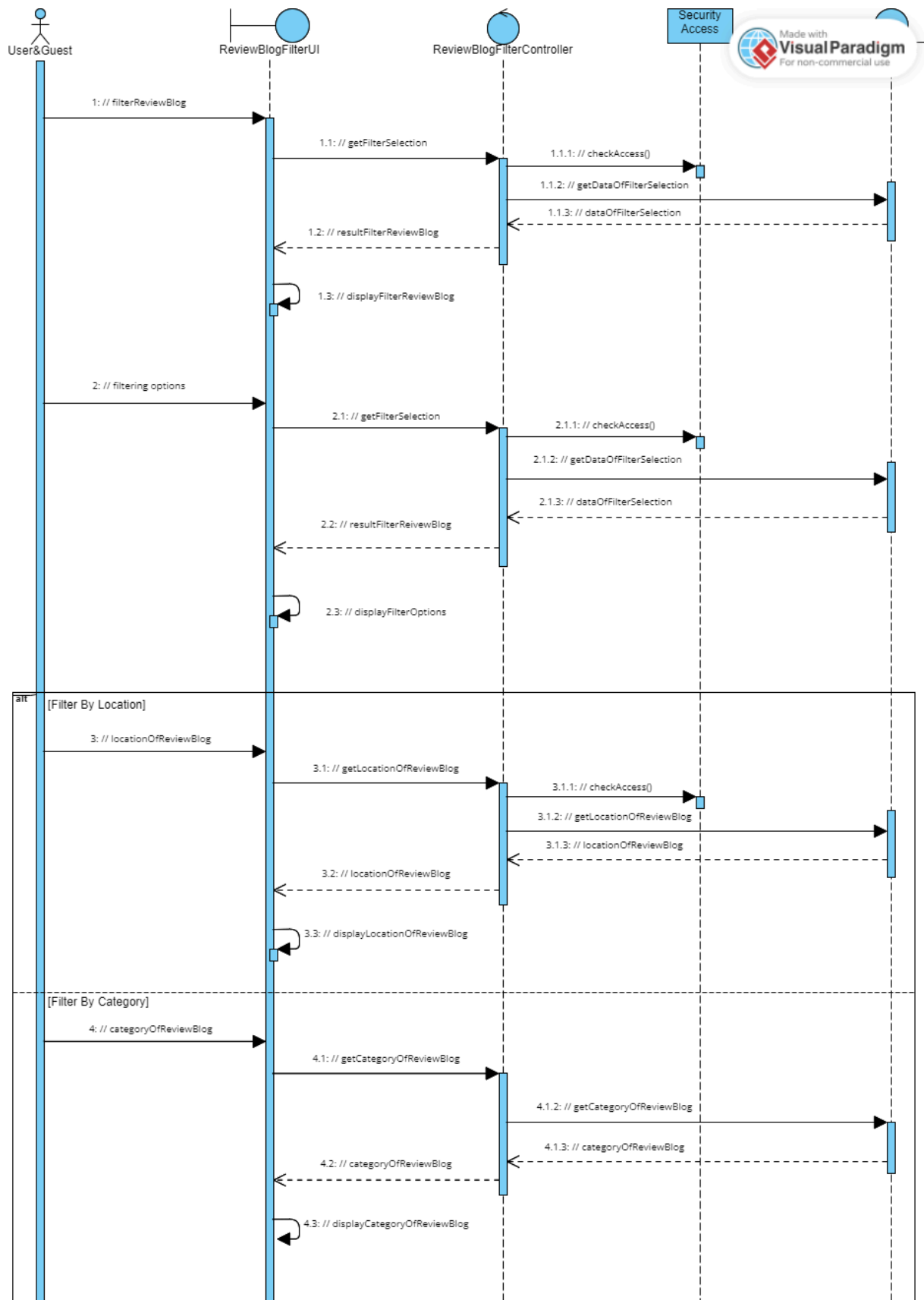
b. VOPC



2.6 Loại bài viết

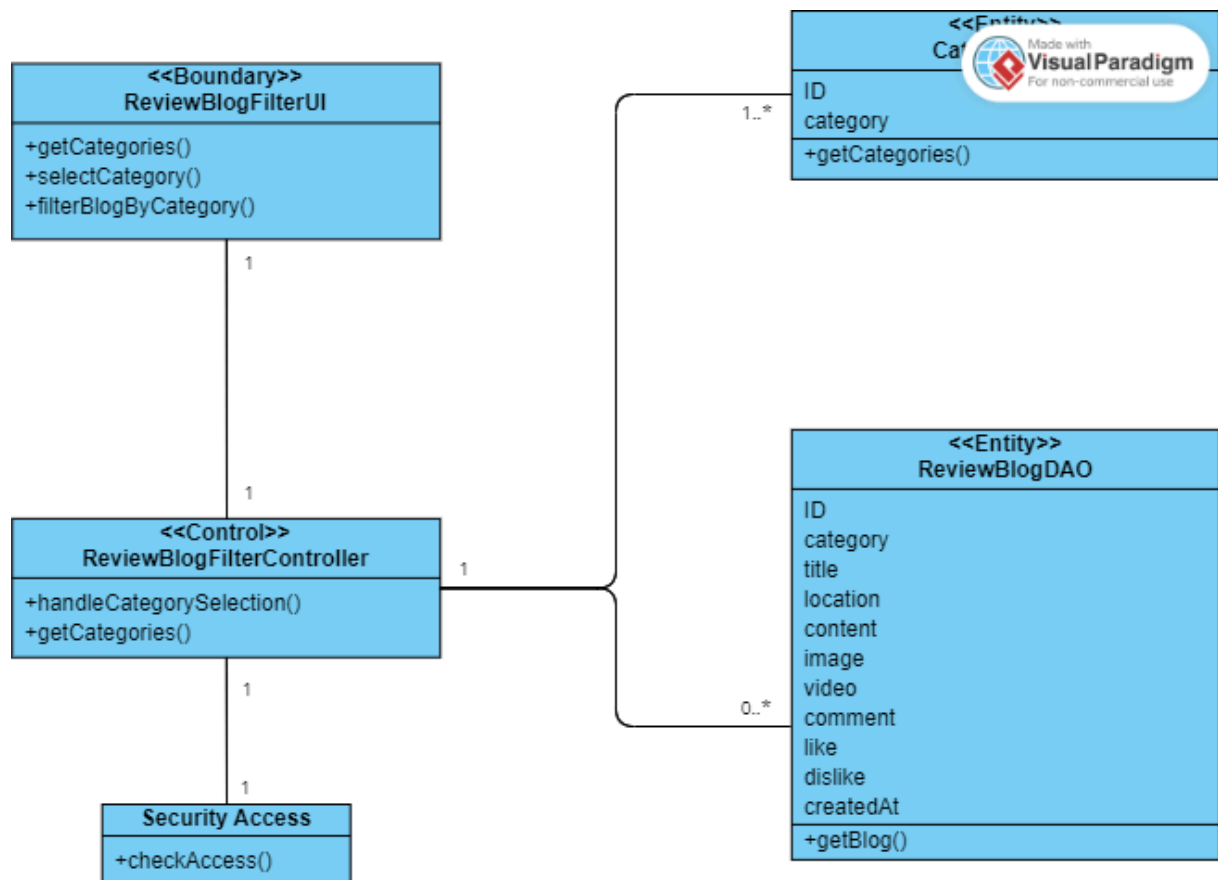
Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

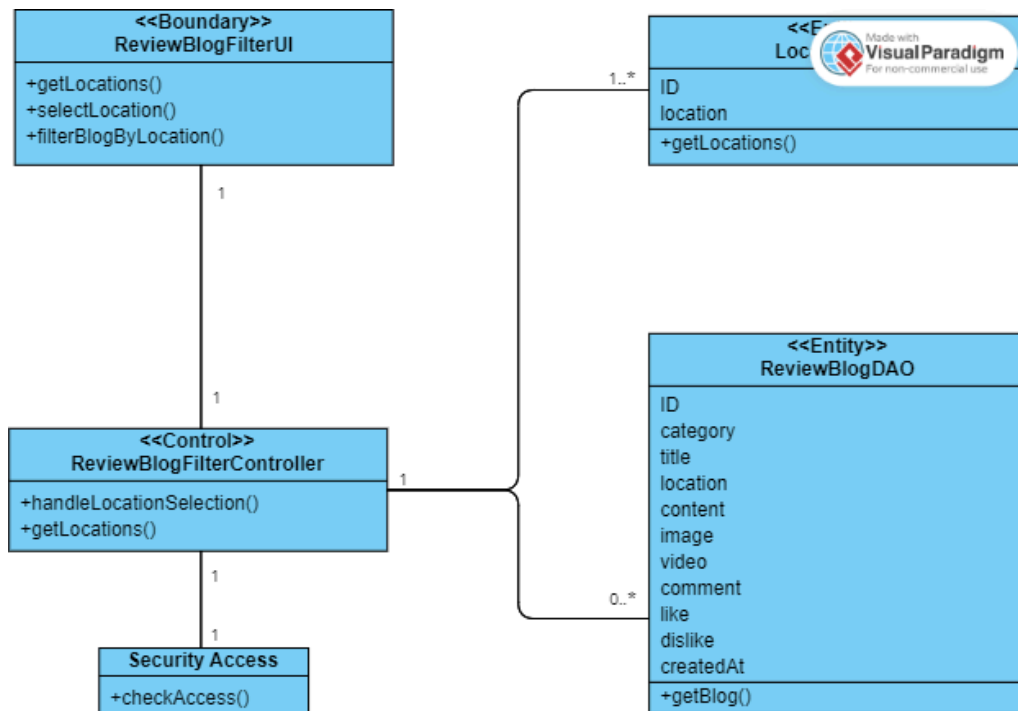


b. VOPC

Category Filter

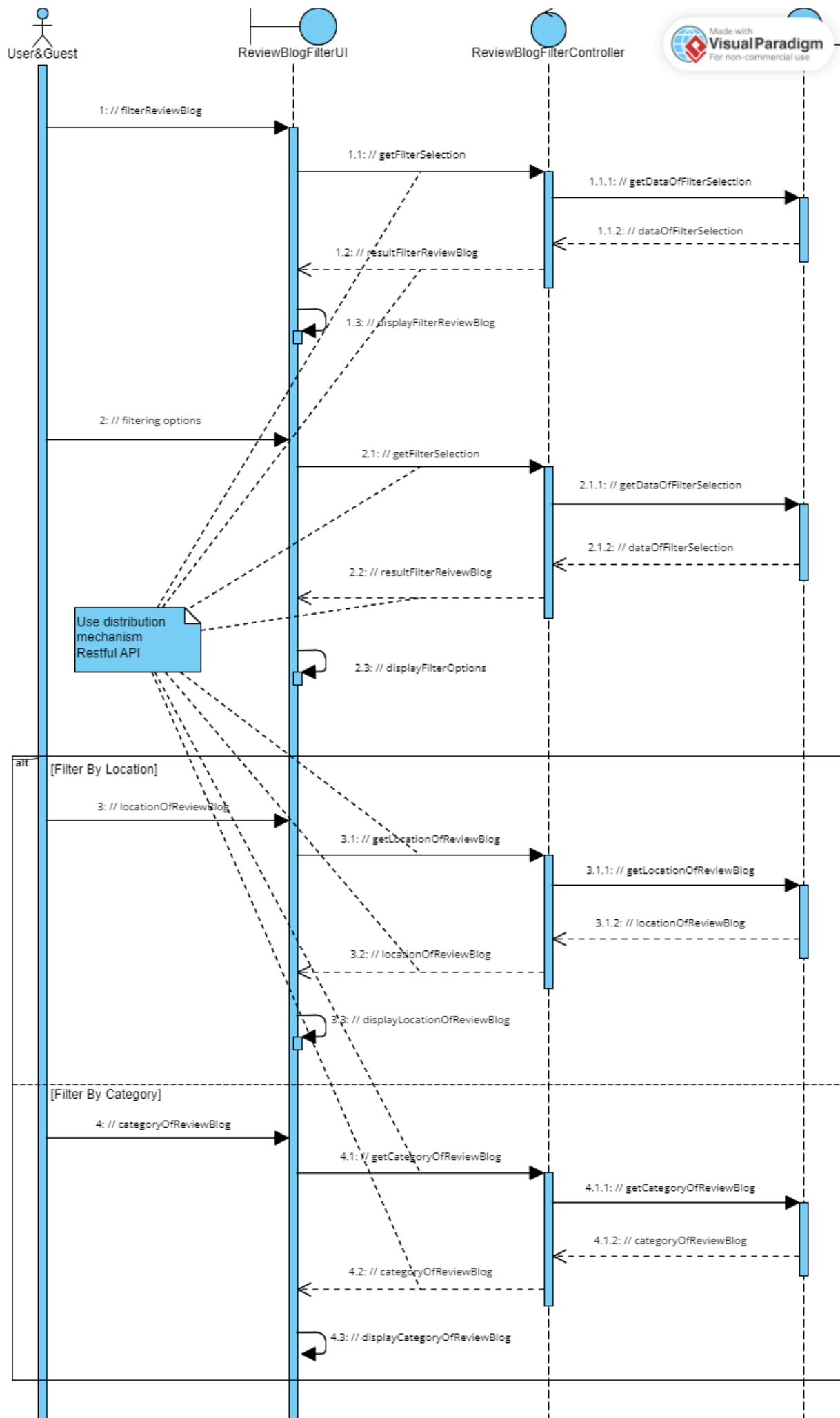


Location Filter



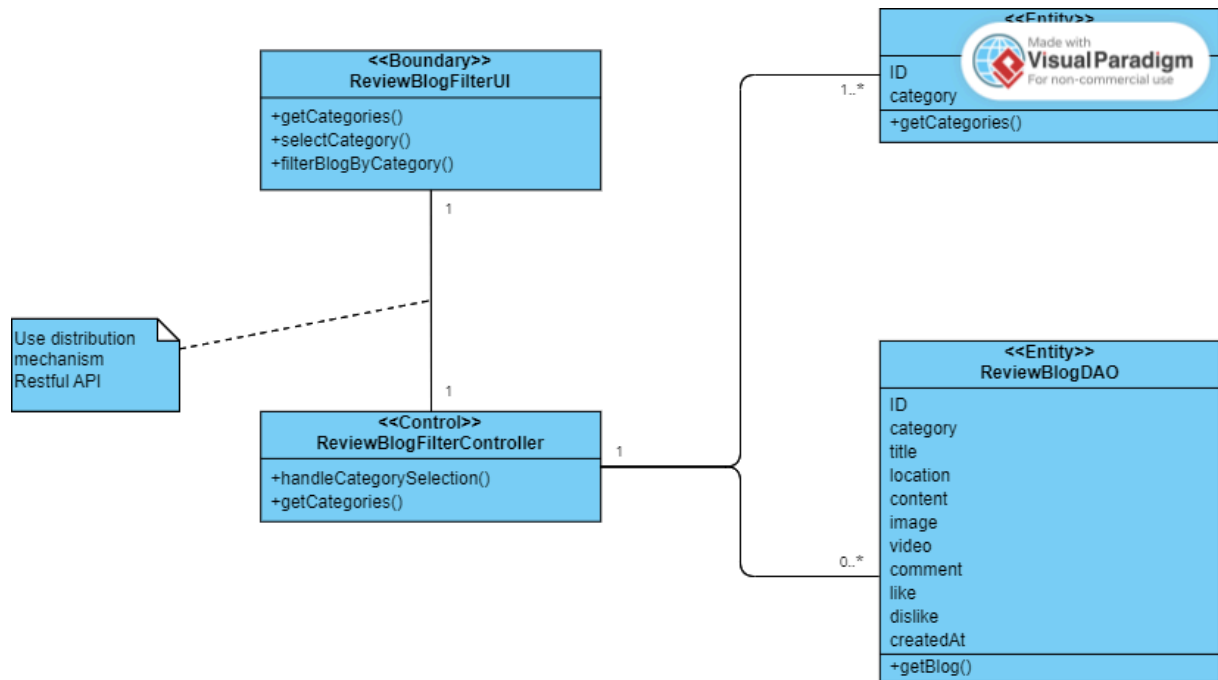
Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

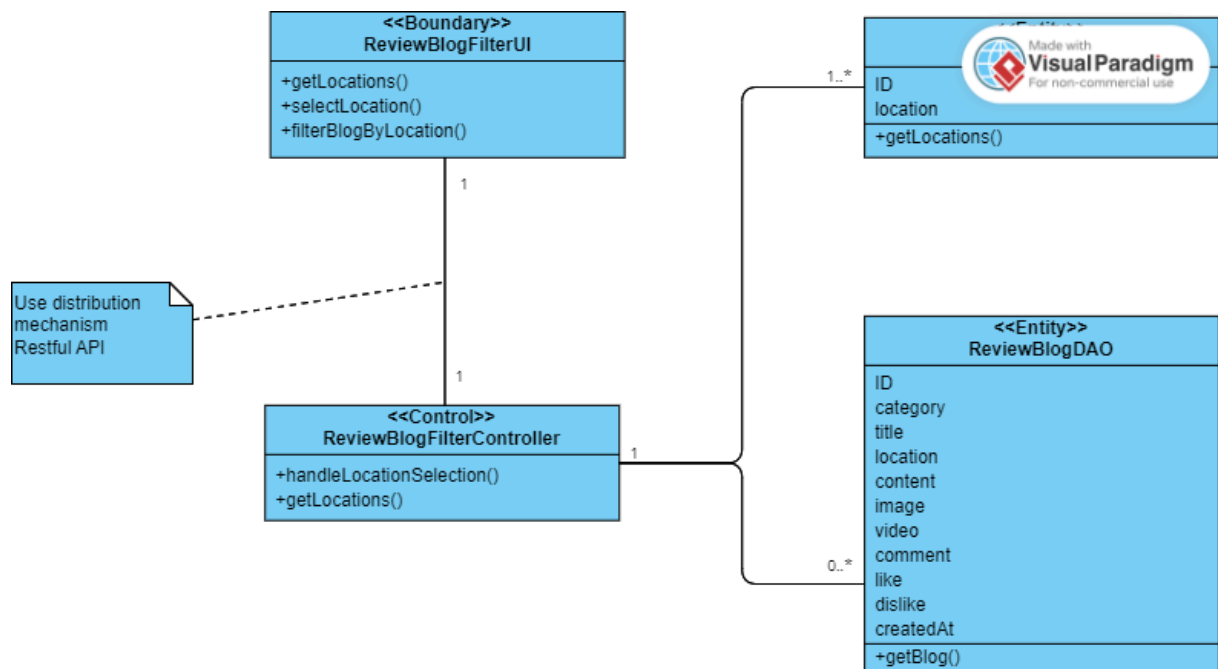


b. VOPC

Category Filter

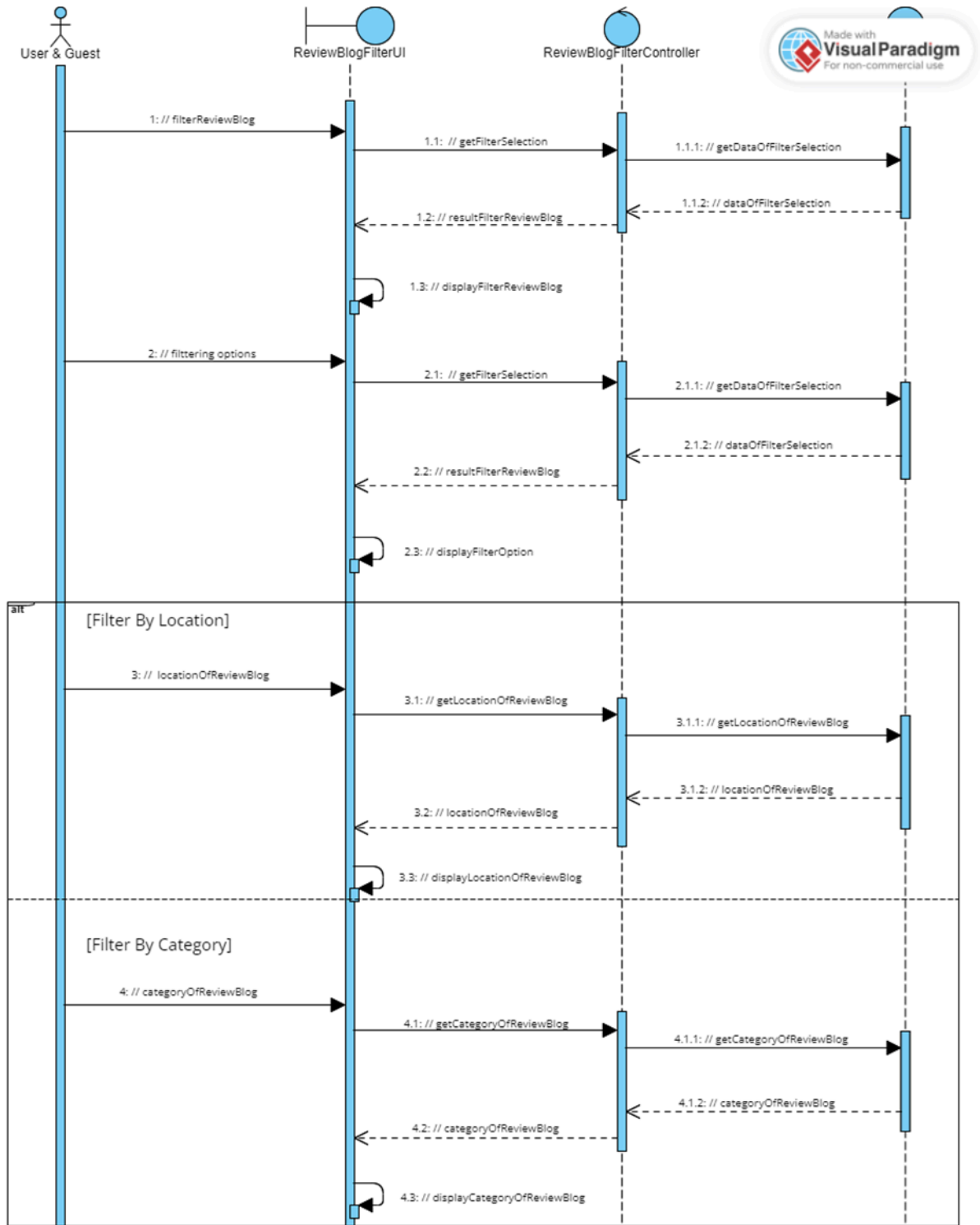


Location Filter



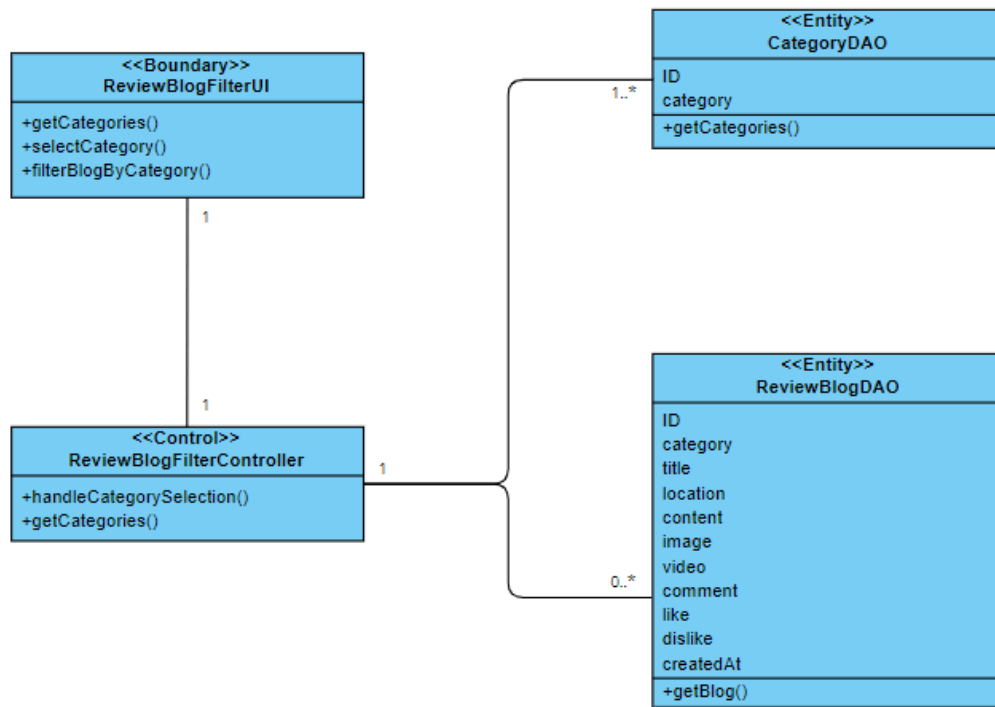
Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram

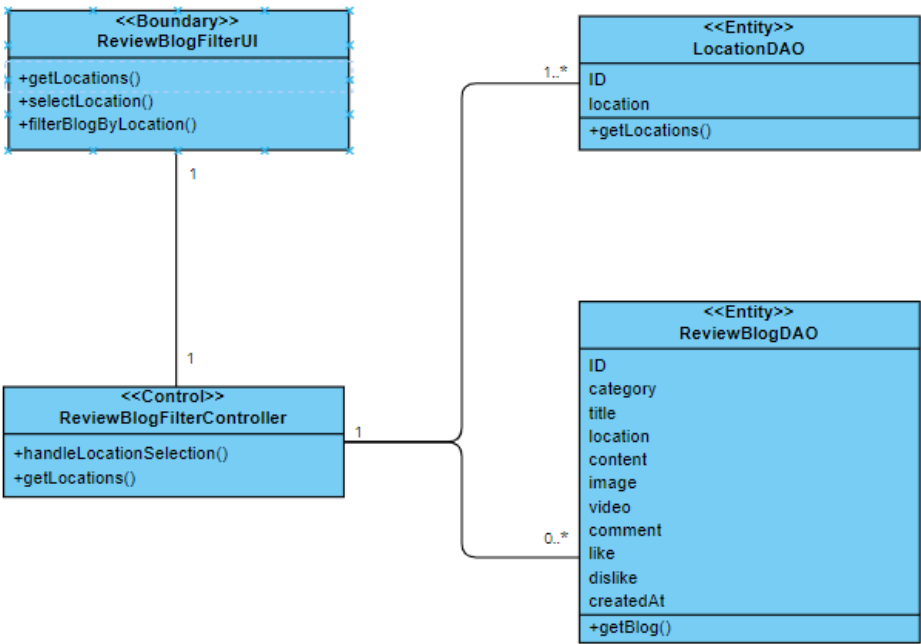


b. VOPC

Lọc bài viết theo thể loại



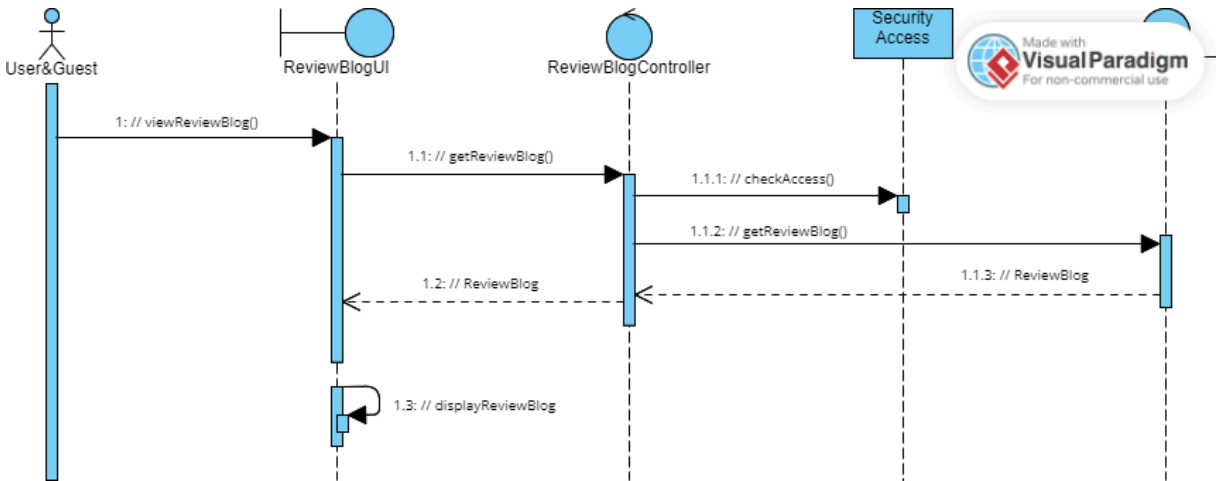
Lọc bài viết theo địa điểm



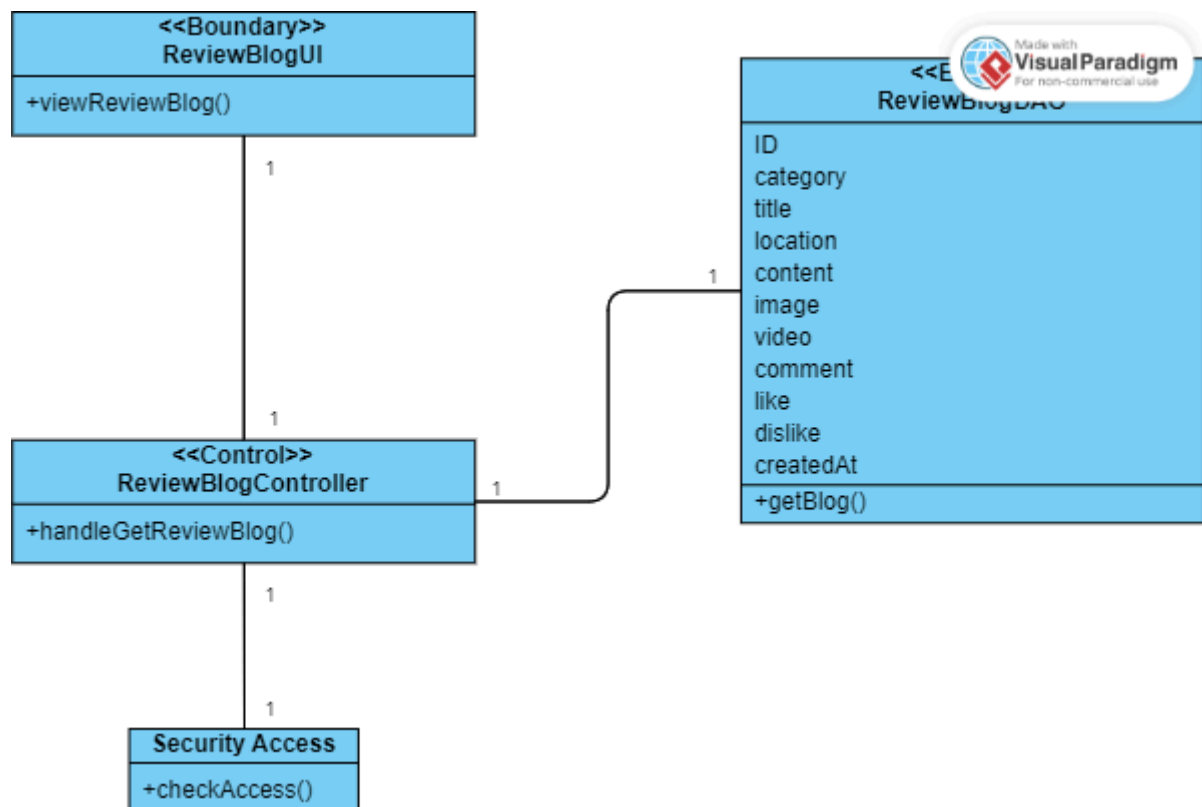
2.7 Xem bài viết

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

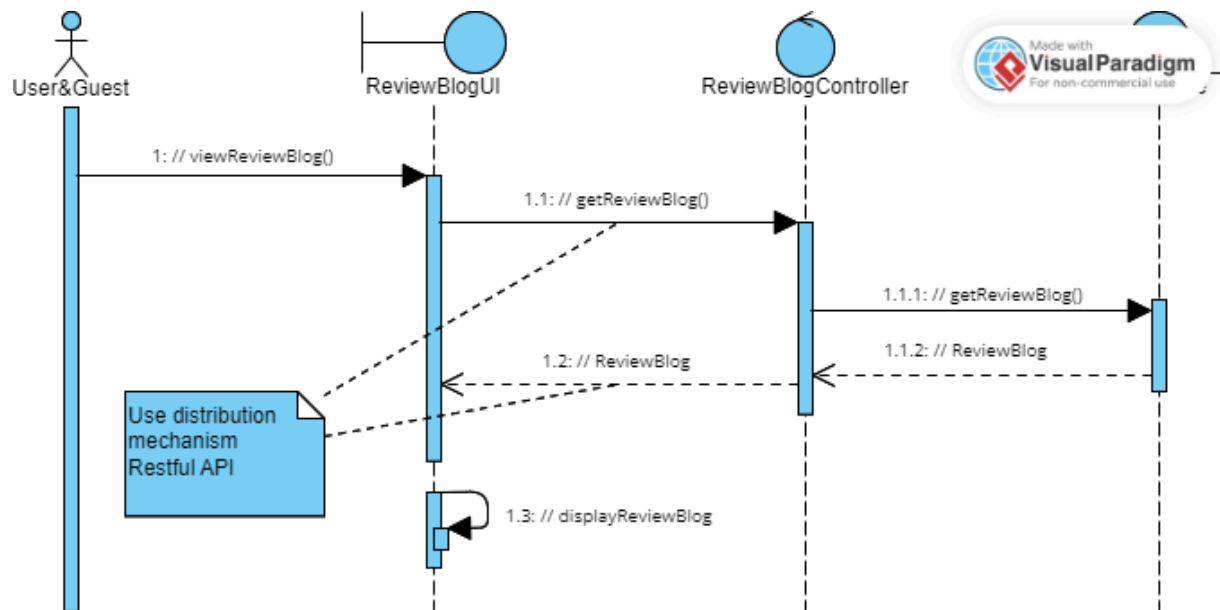


b. VOPC

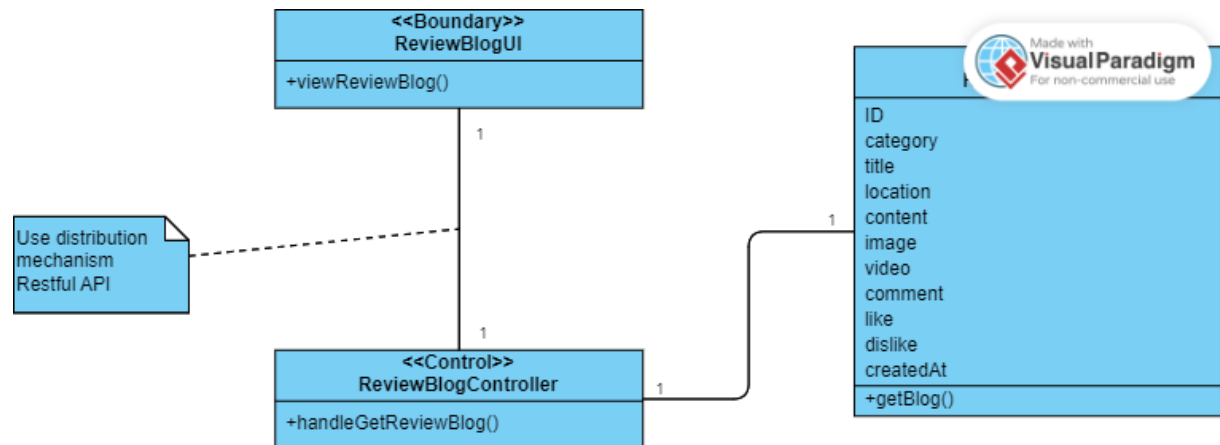


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

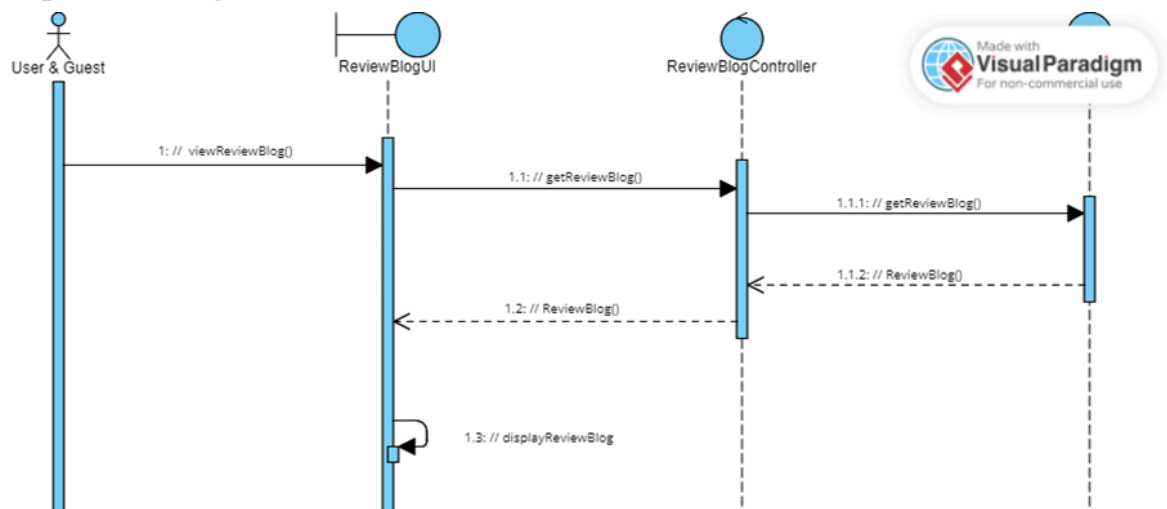


b. VOPC



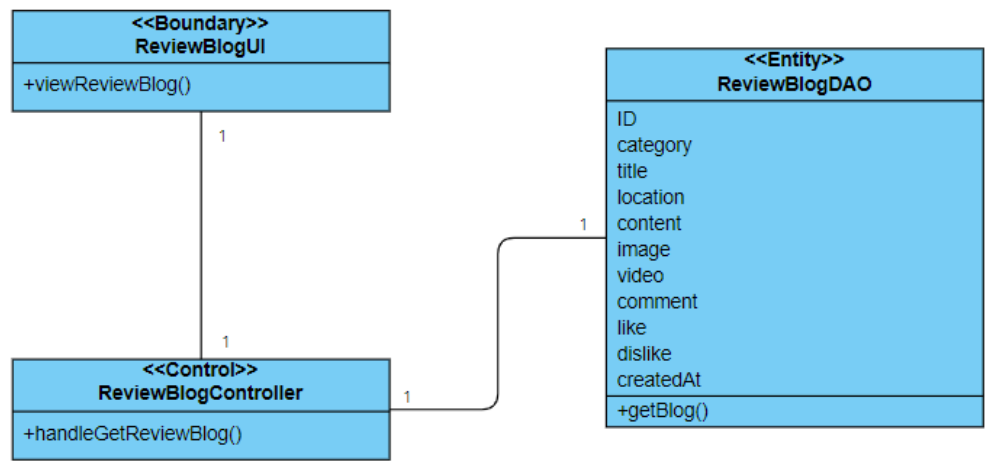
Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



b. VOPC

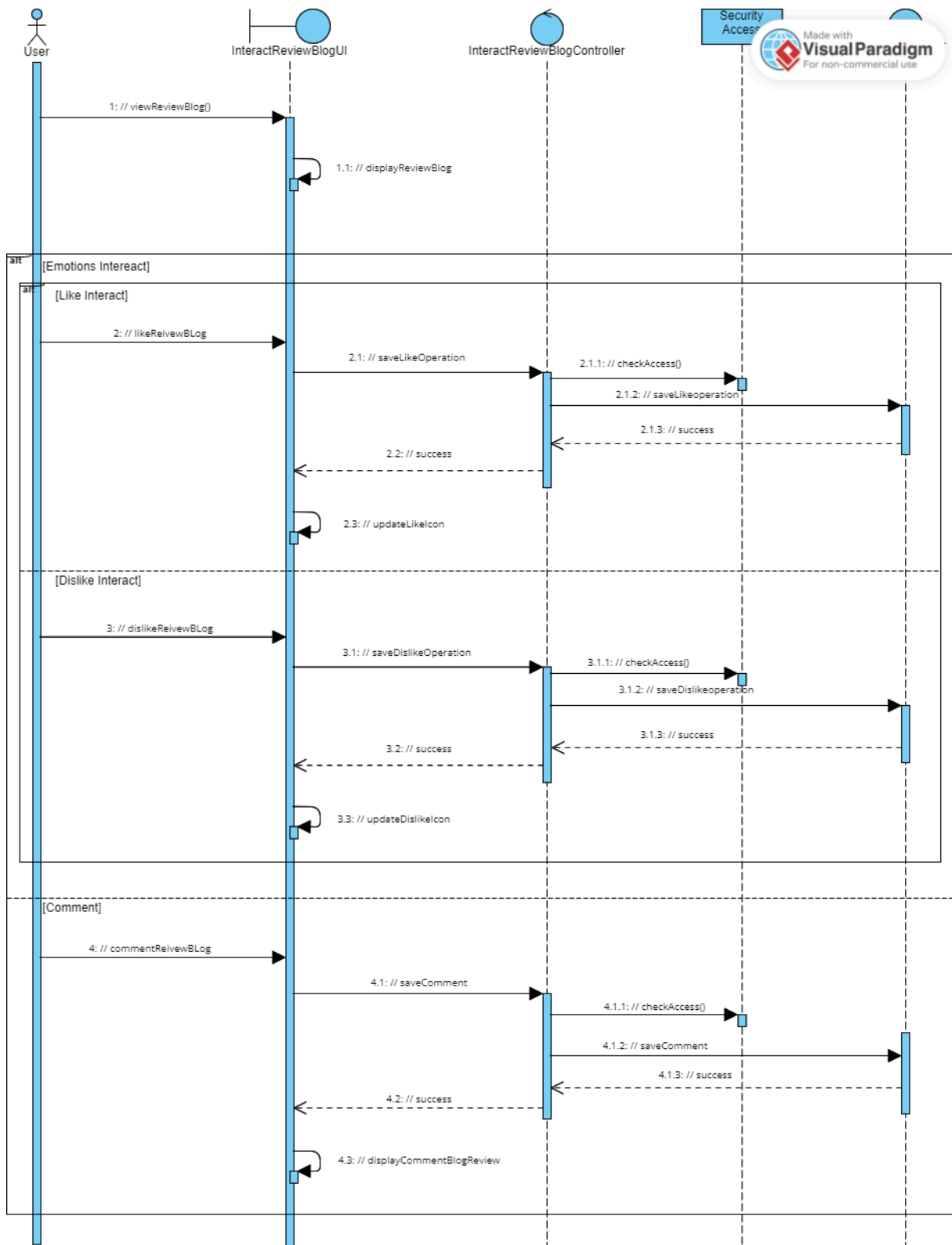
Xem bài viết



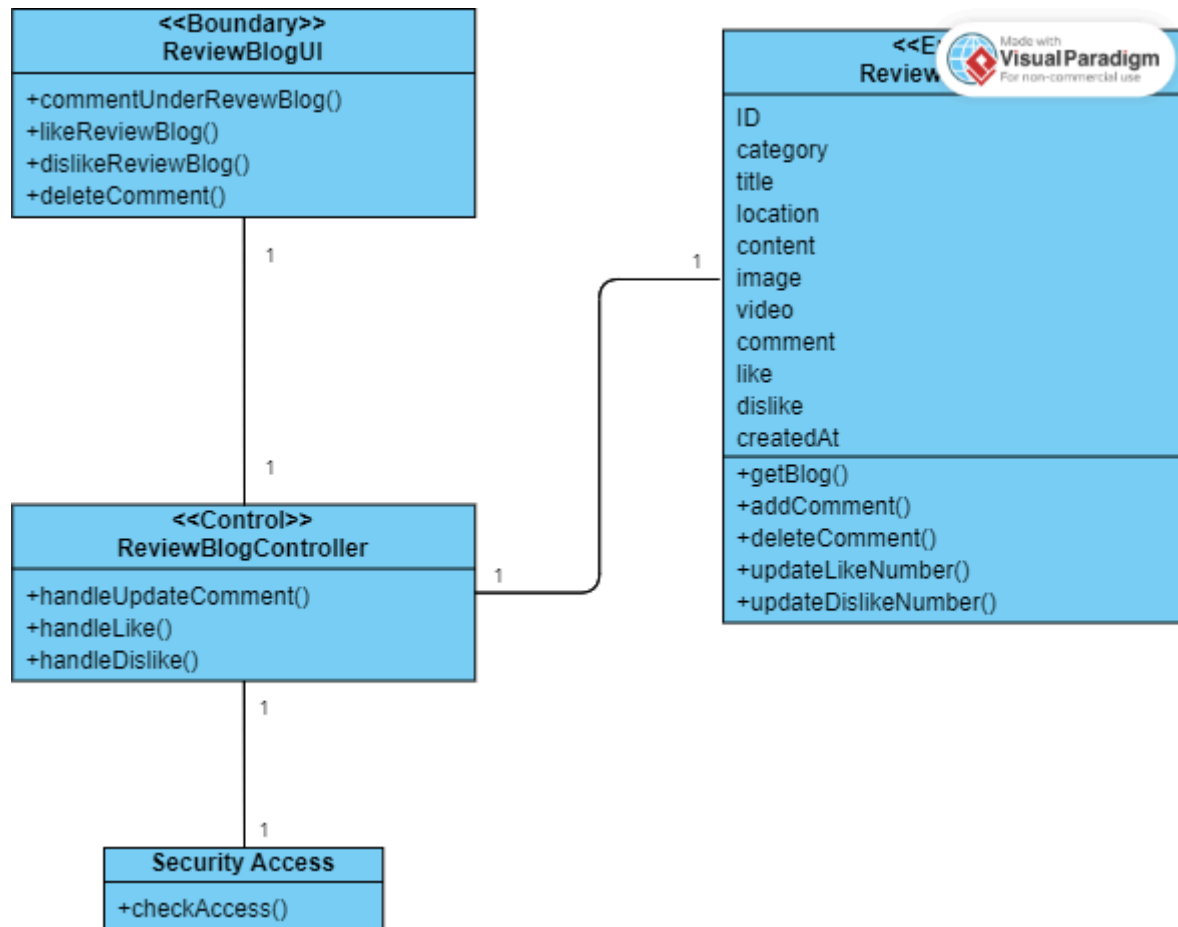
2.8 Tương tác bài viết

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

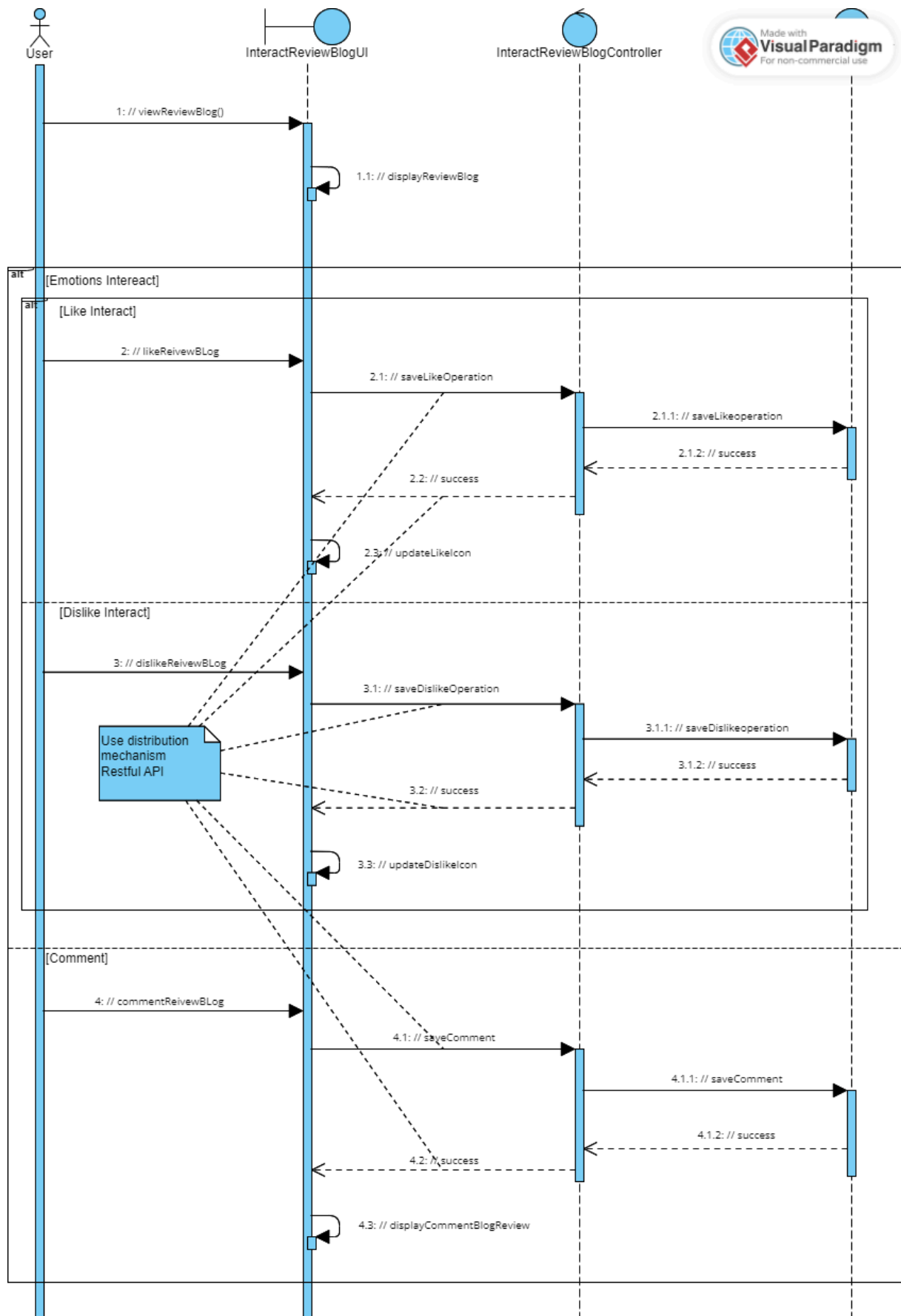


b. VOPC

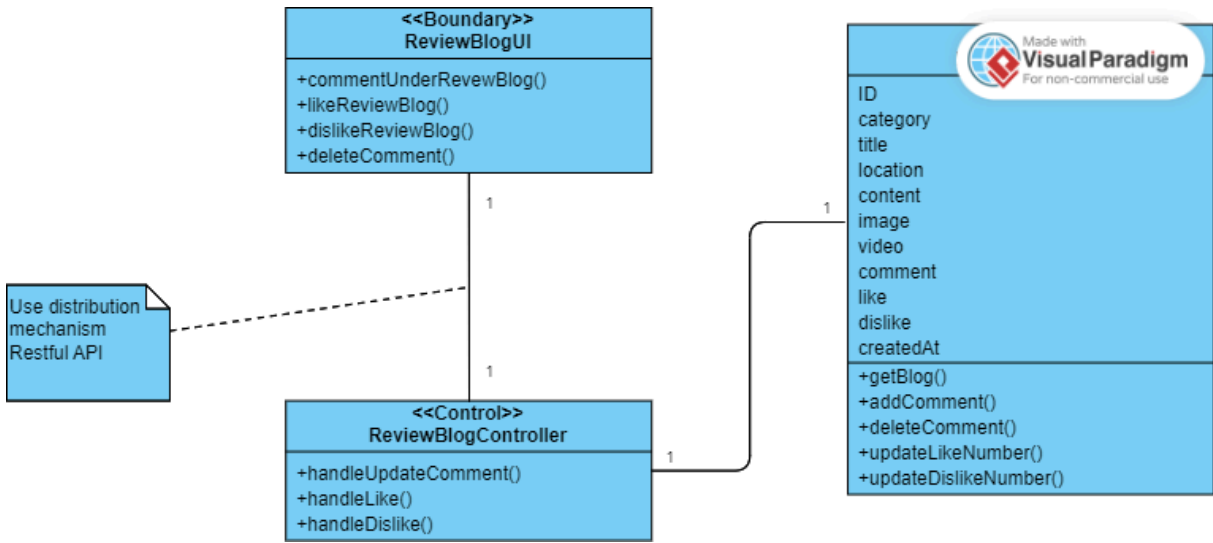


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

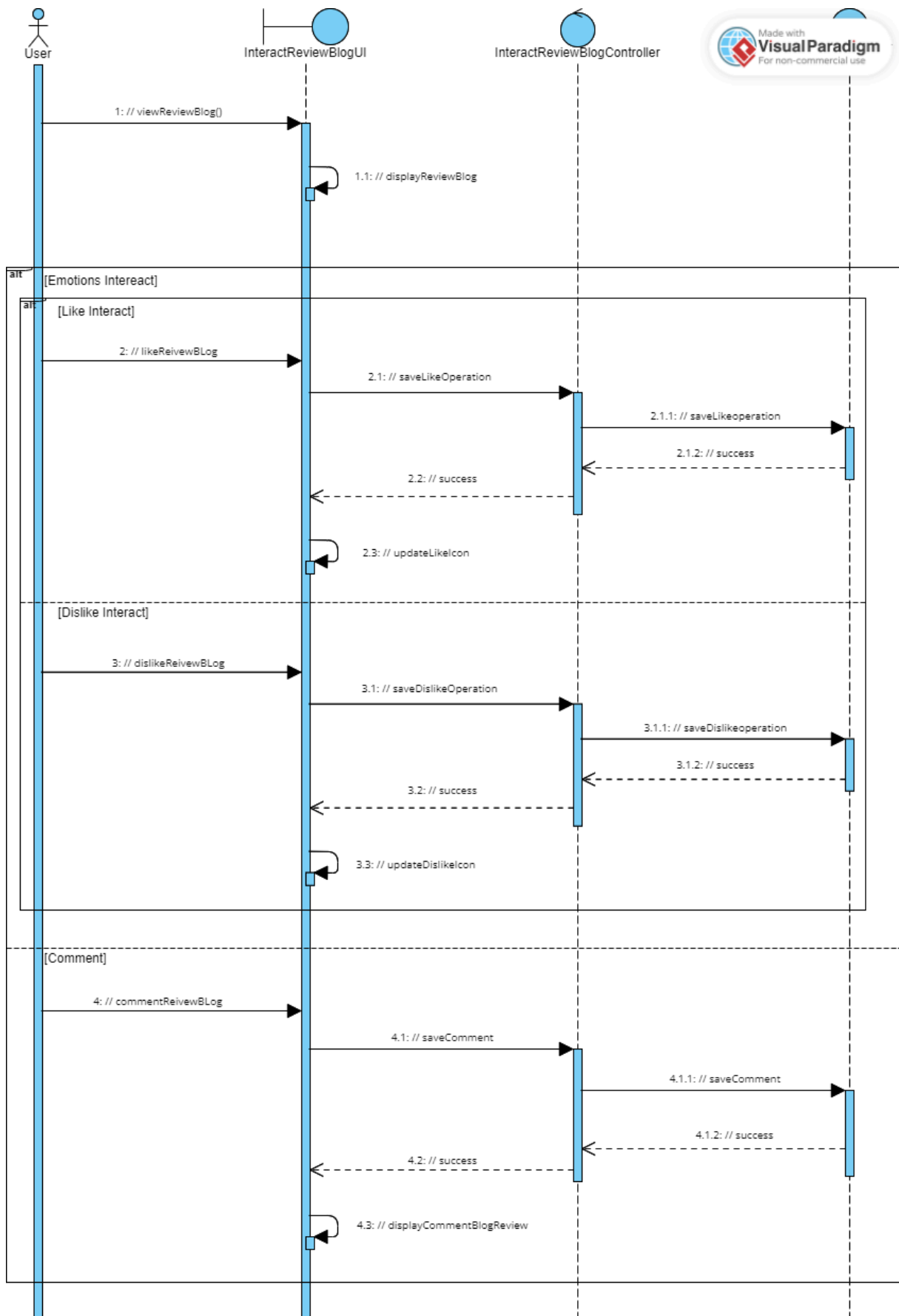


b. VOPC

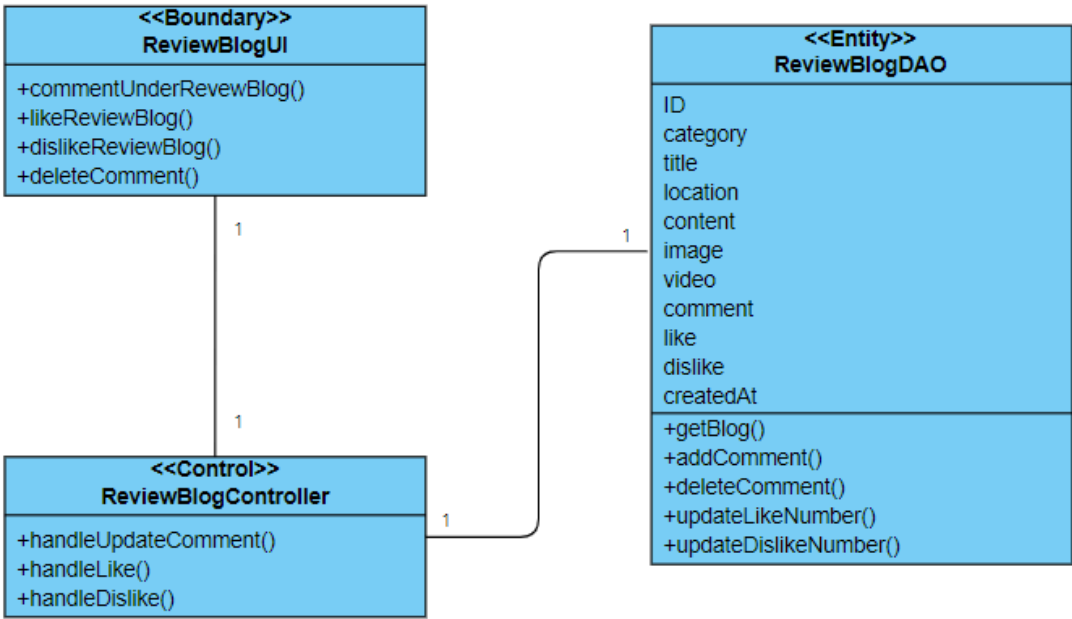


Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



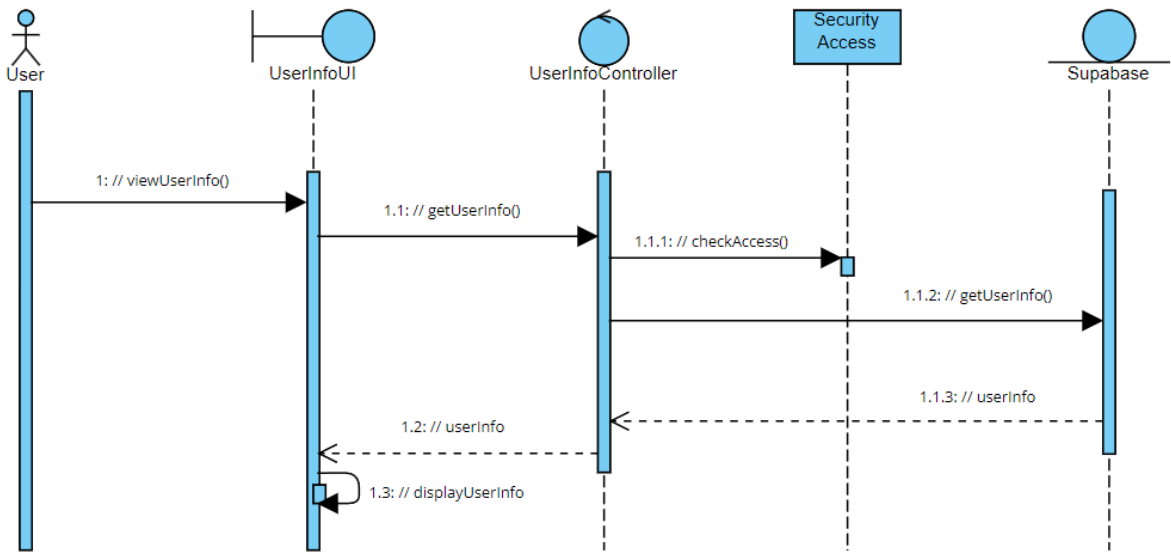
b. VOPC



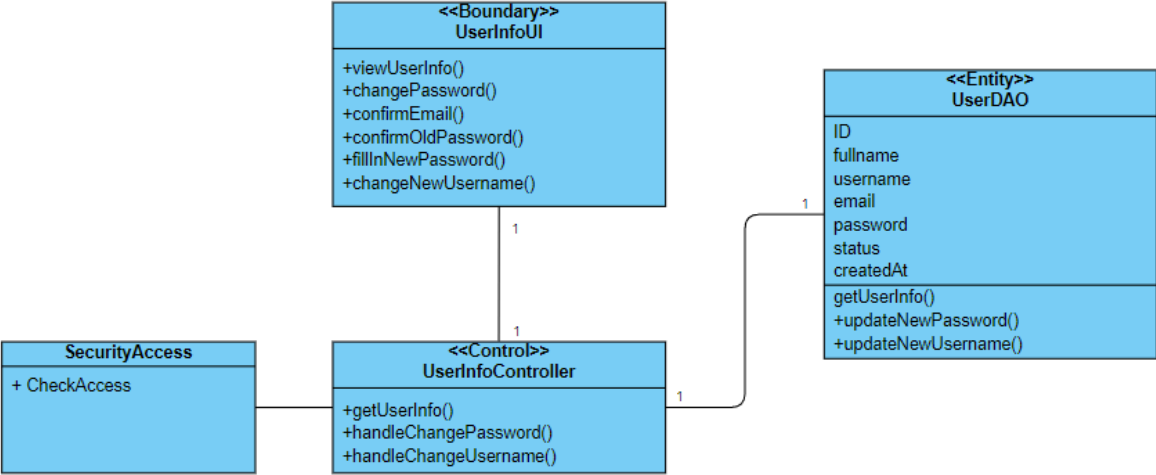
2.9 Xem hồ sơ cá nhân

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

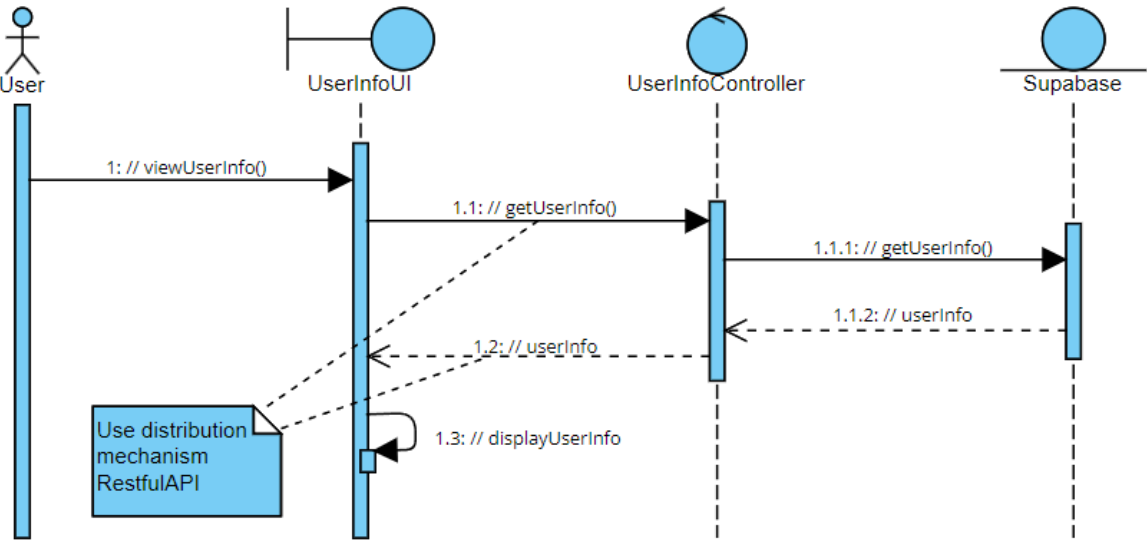


b. VOPC

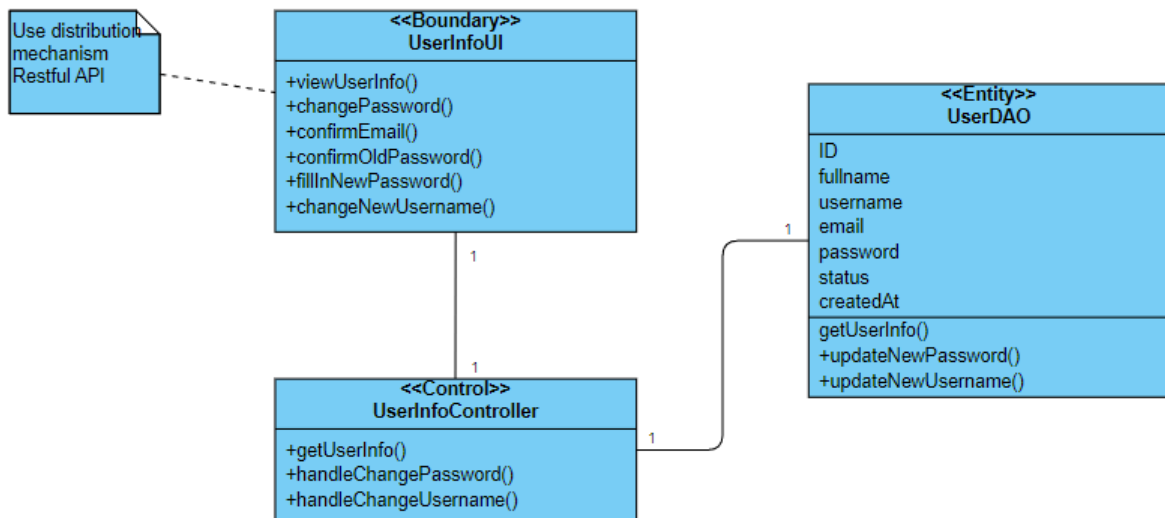


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

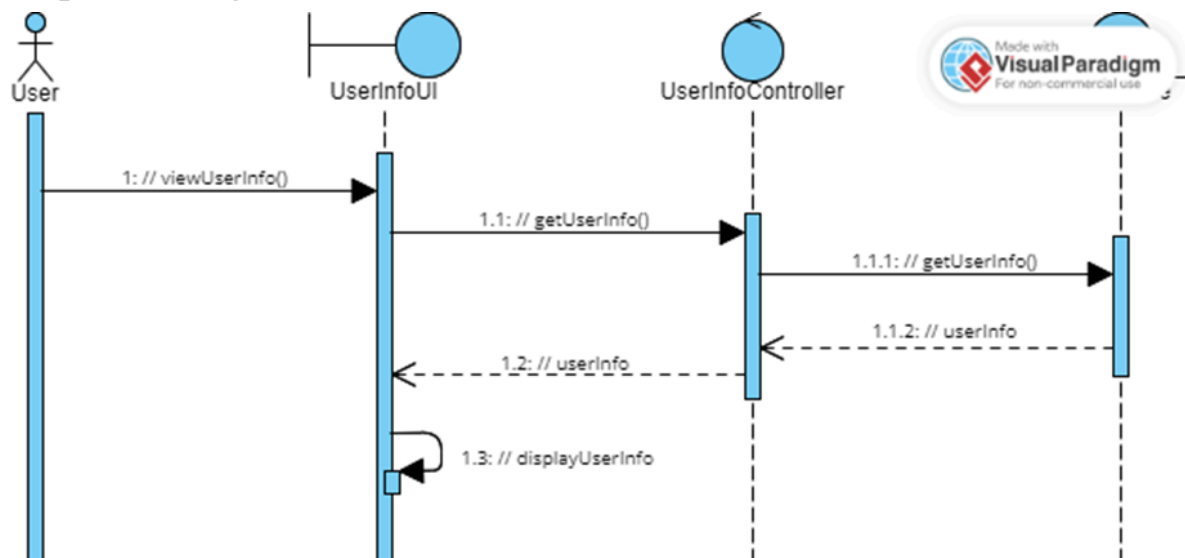


b. VOPC

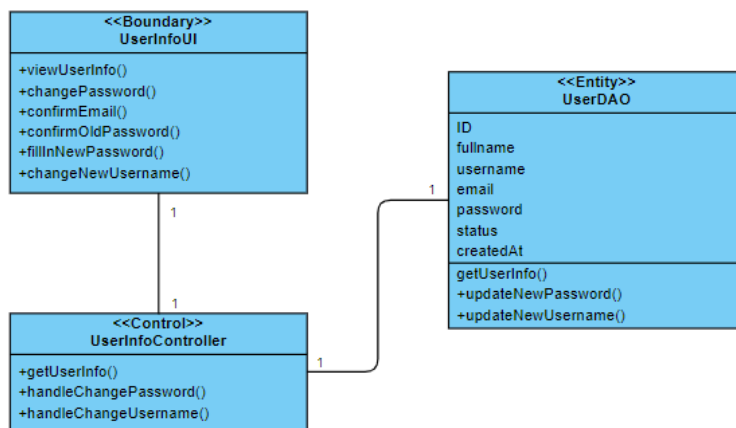


Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



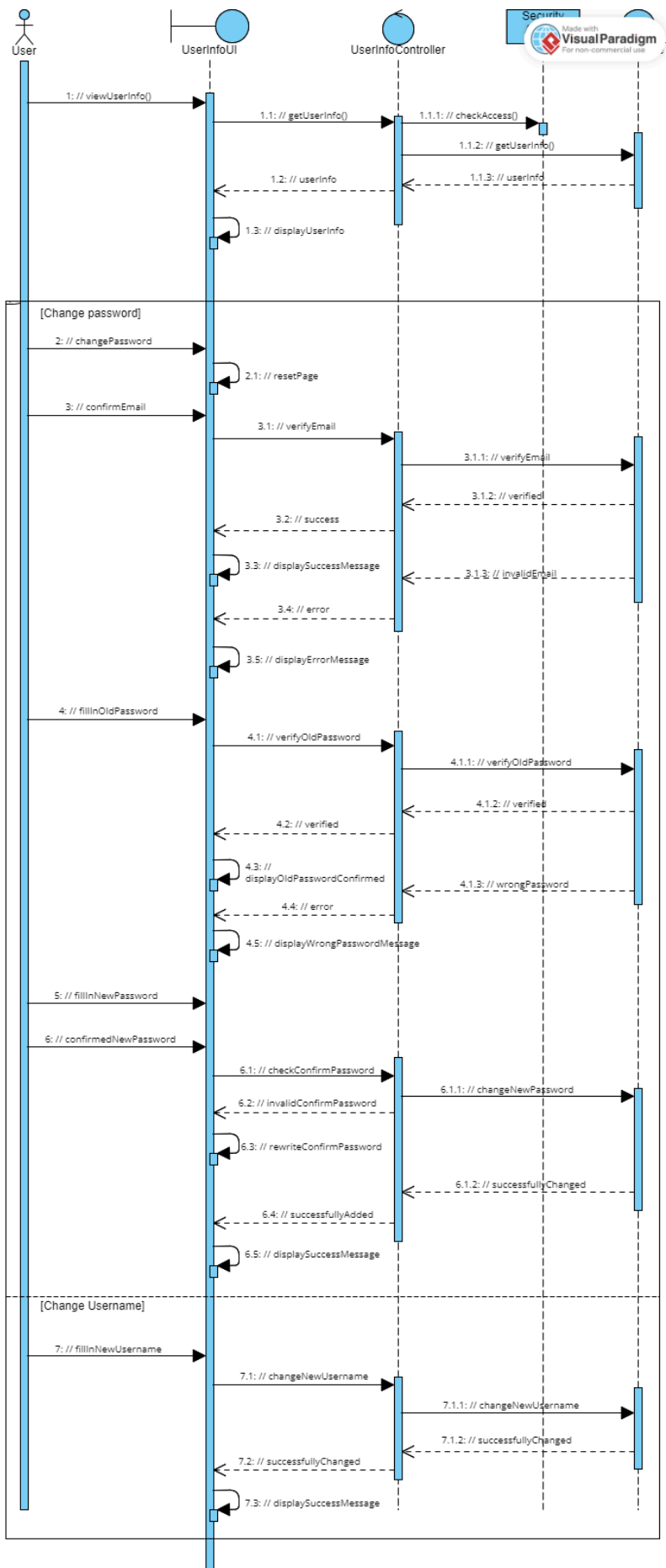
b. VOPC



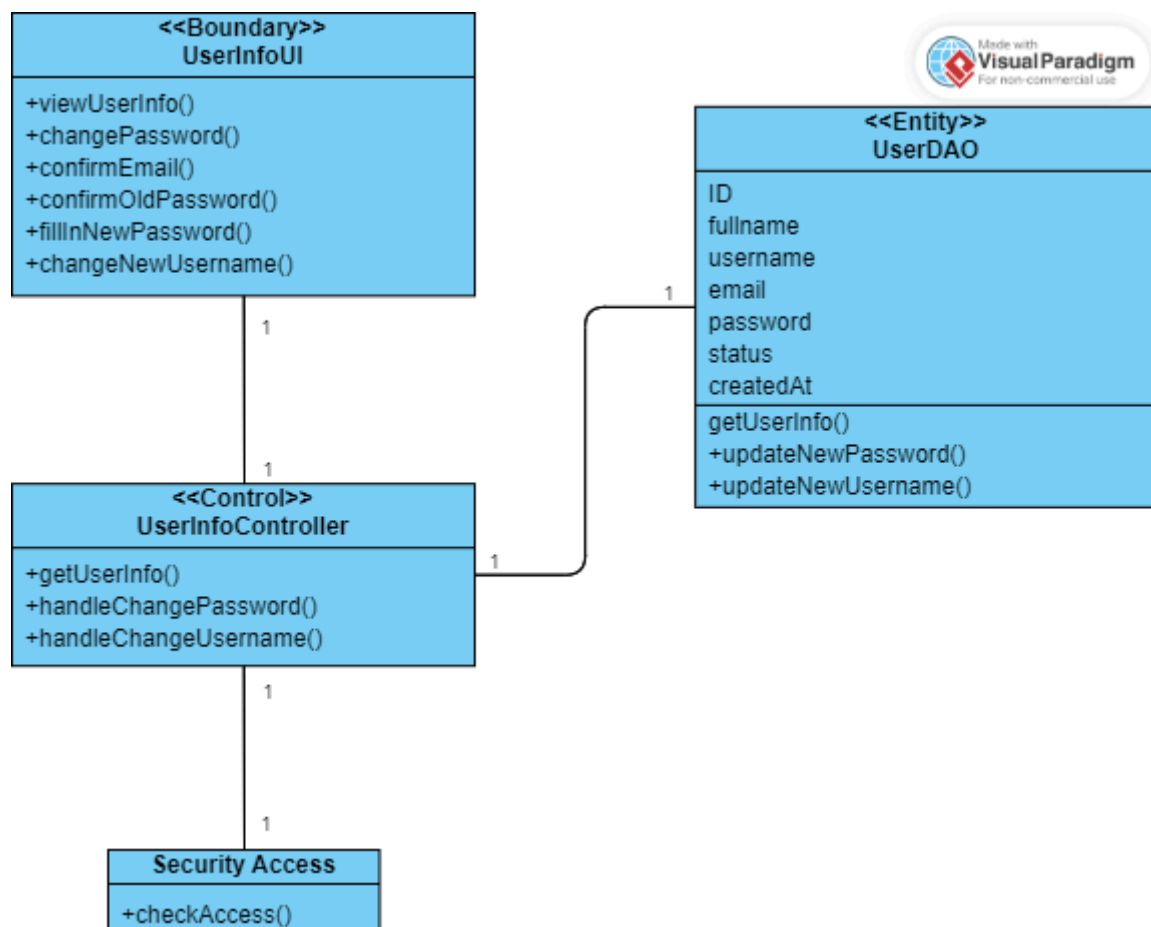
2.10 Chỉnh sửa hồ sơ cá nhân

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

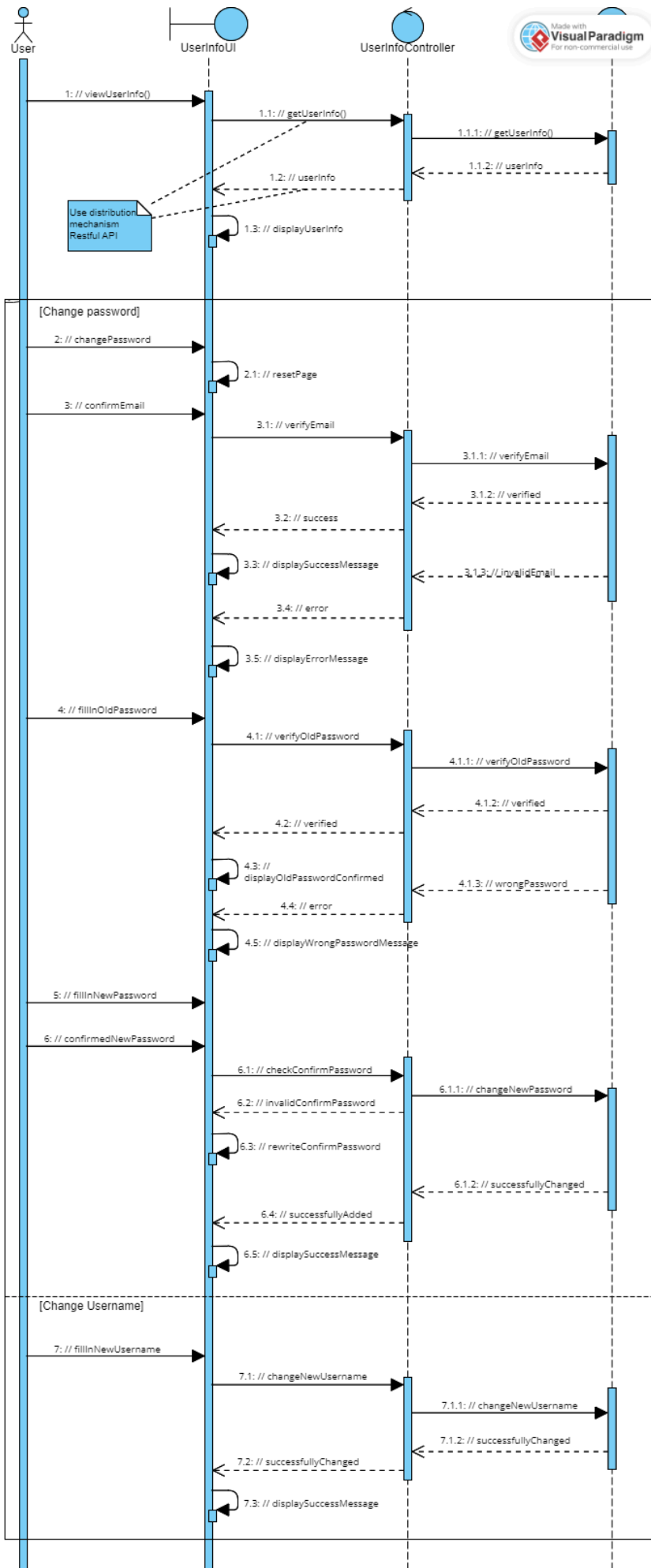


b. VOPC

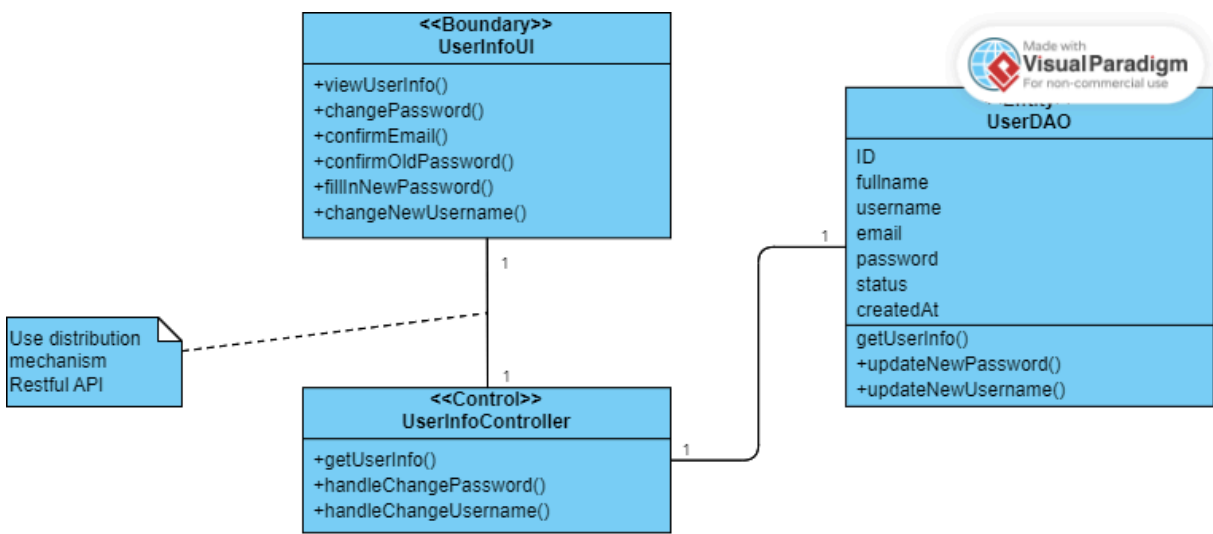


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

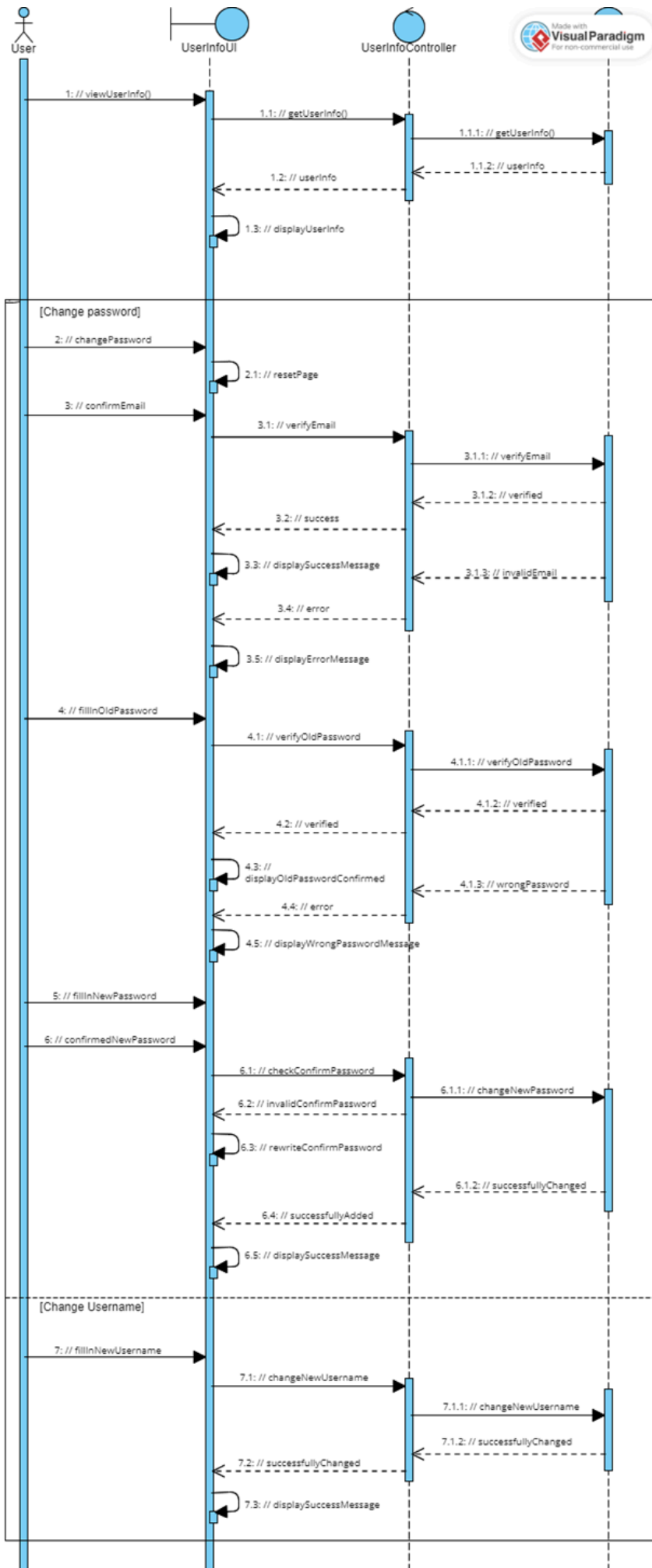


b. VOPC

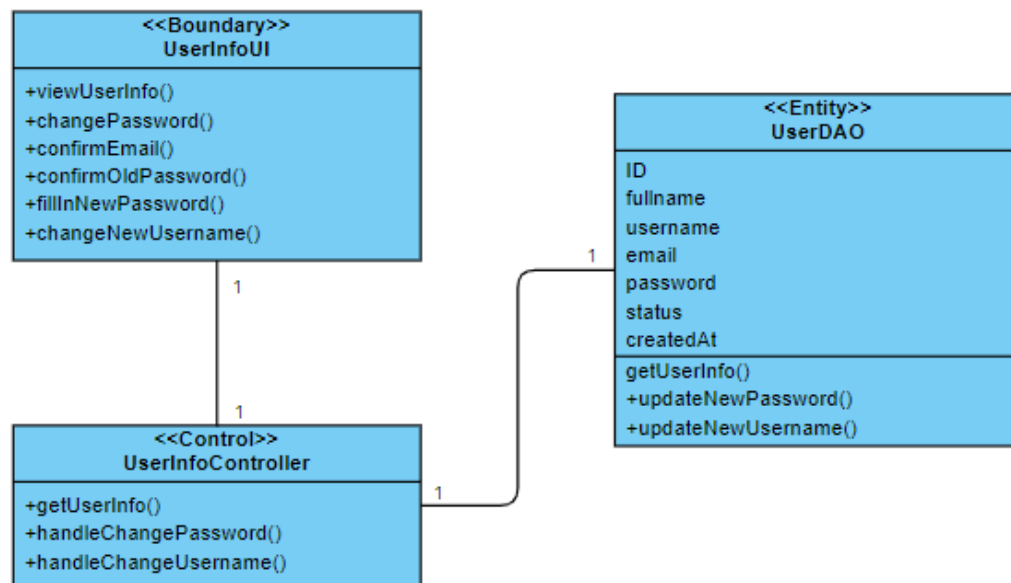


Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



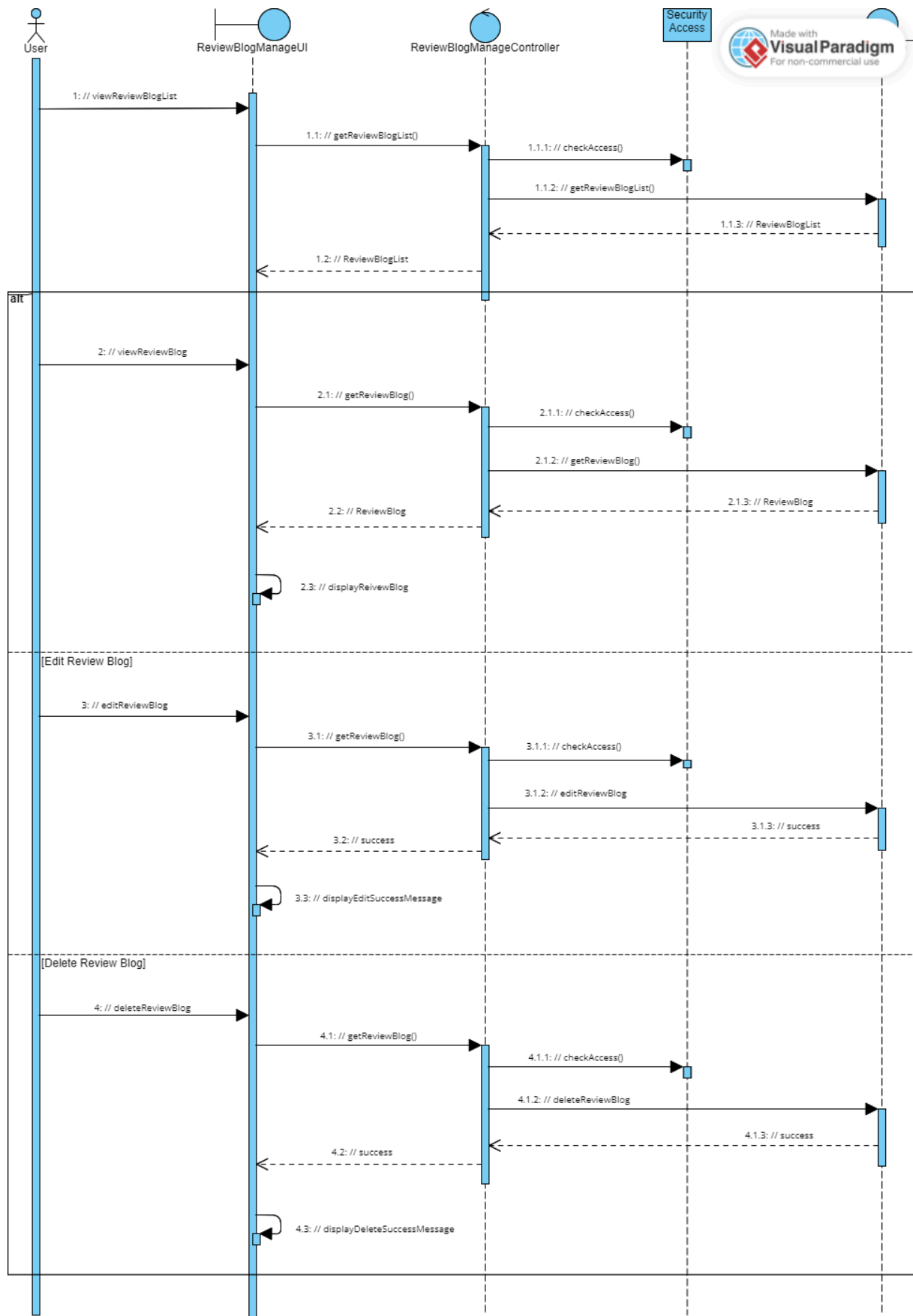
b. VOPC



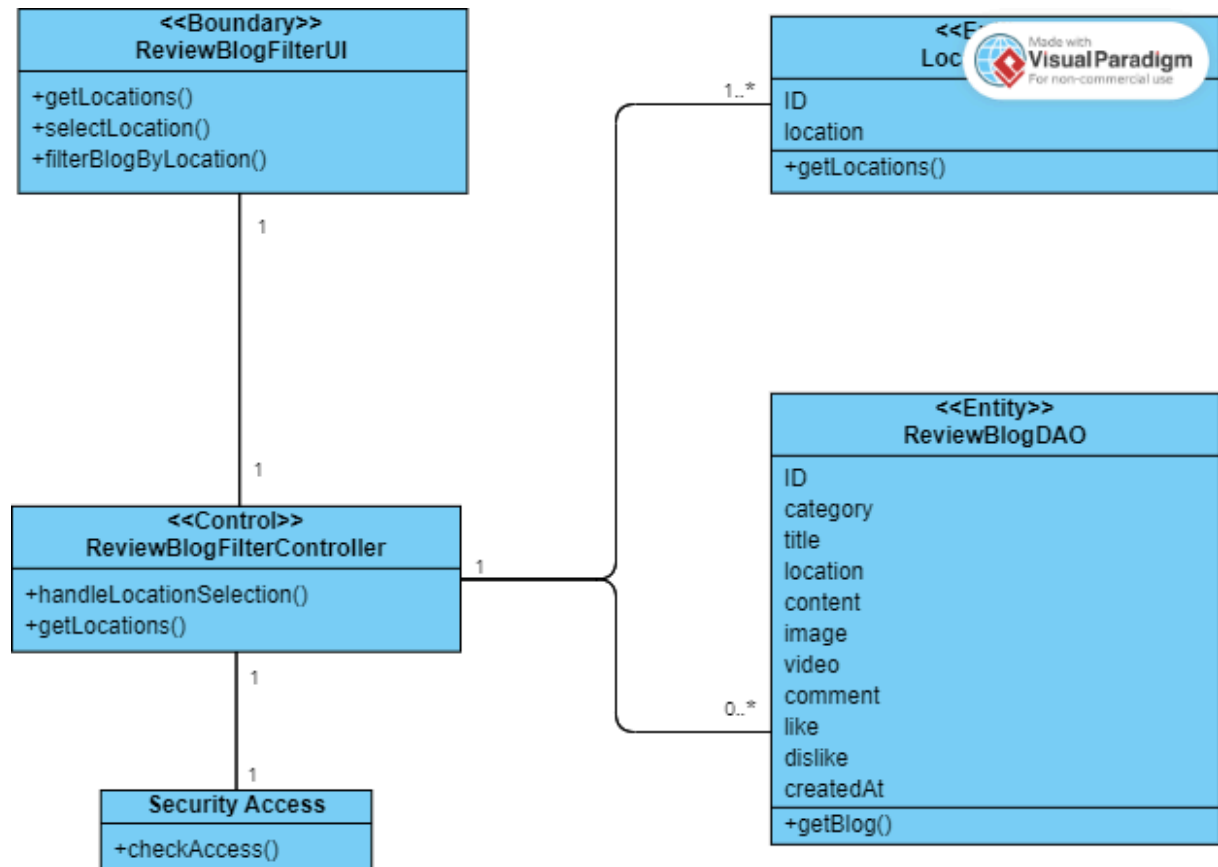
2.11 Quản lý bài viết (người dùng)

Cơ chế bảo mật

a. Sequence Diagram

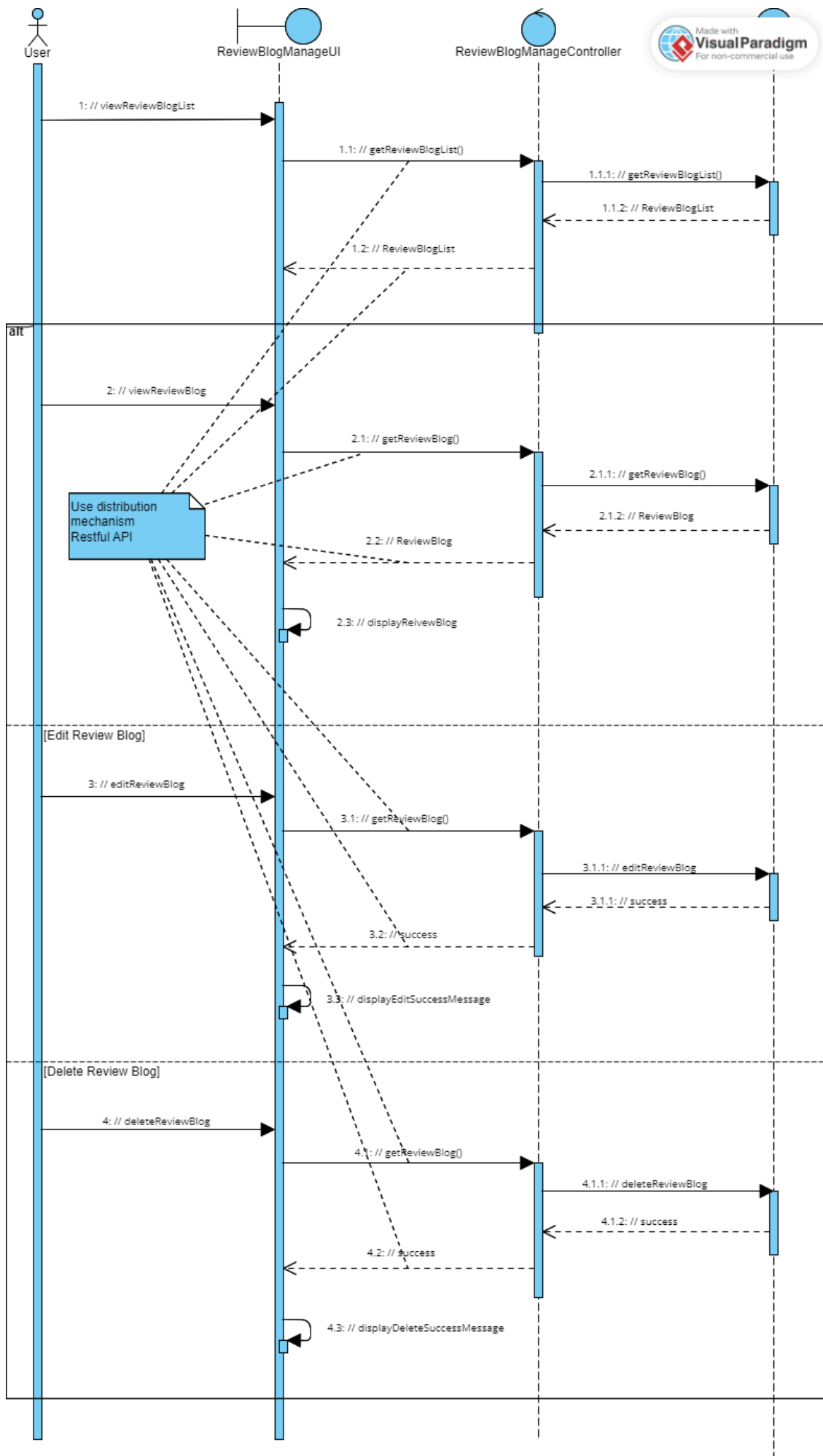


b. VOPC

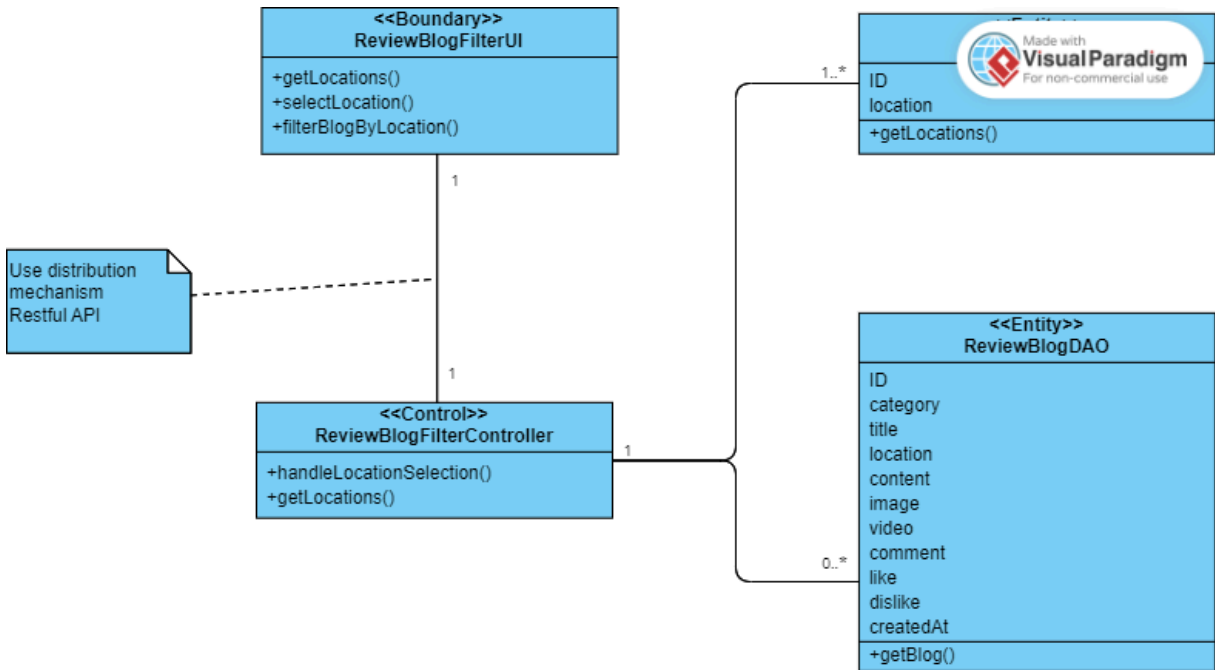


Cơ chế phân tán

a. Sequence Diagram

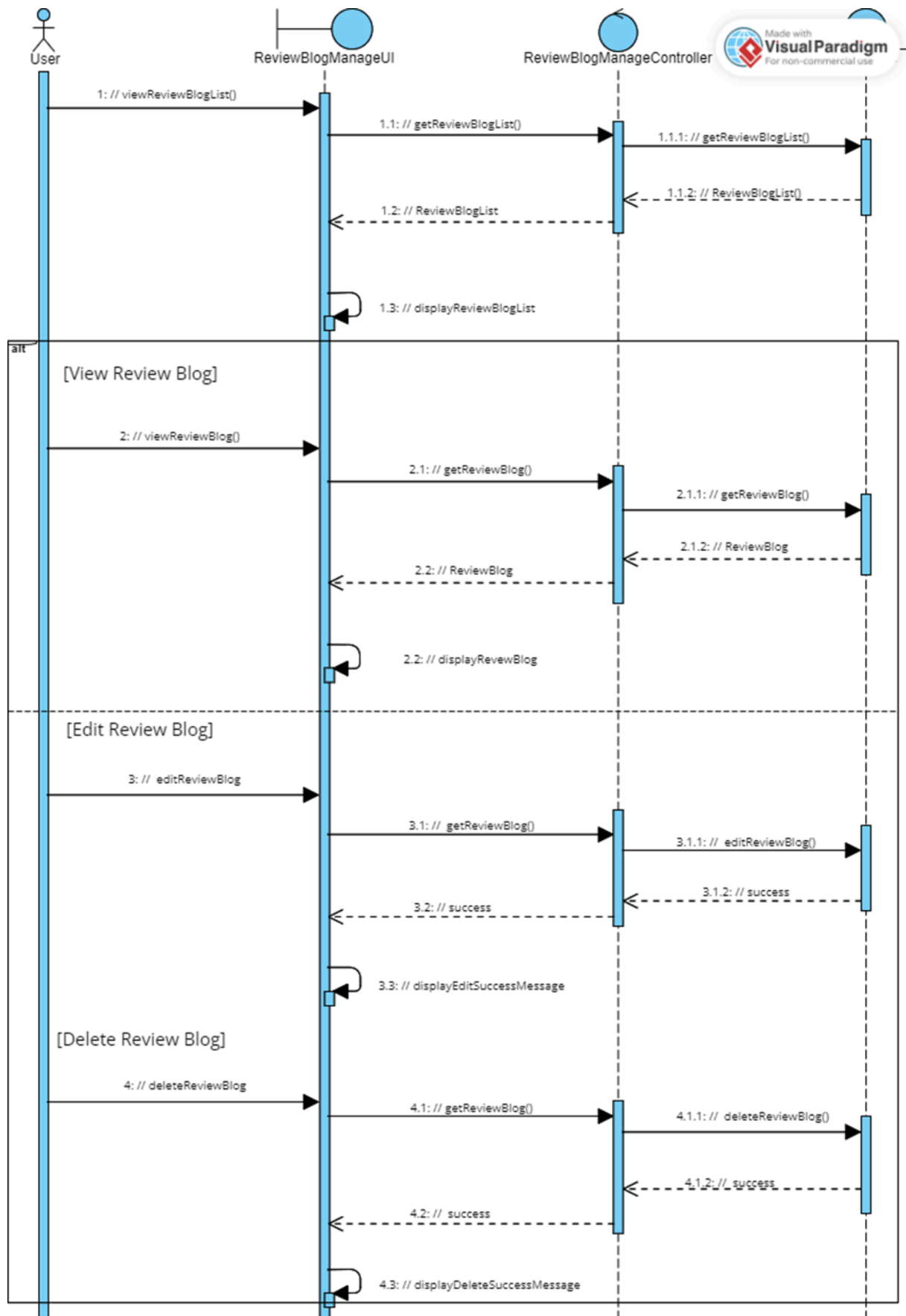


b. VOPC



Cơ chế lưu trữ

a. Sequence Diagram



b. VOPC

